Năm thứ hai — Số 61
Tuần - lễ từ thứ tư 26 Août
đến thứ ba 1er Septembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Học và thức — *Hoa-Bằng*
Có thật là sử-học không ? — *Ứng-Hòe Nguyễn Văn-Tố*
Cái chết của Trần Tiễn-Thành (I) — *Đào Duy-Anh*
Tra nghĩa chữ nho (XV) — *Nguyễn Văn-Tố*
Những ông nghè triều Lê (XXXIV) — *Ứng-Hòe*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, IV) — *Nhật-Nham*
Chúa Nguyễn Ánh có chạy thấu Côn-lôn không (có bản - đồ) ? — *Lê Thọ-Xuân*
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXVIII) — *Ứng-Hòe*
Một tình phụ, một hồn thơ (chuyện thơ) — *Song-Cối*
Nam-đàn bát châu tục thảo (III) — *Tùng-Vân Nguyễn Đôn - Phục*
Anh-Mỹ với vấn-đề vận-tải (Thời-đàm) — *Nhật-Nham*
Tùy hứng — *Trần Quang-Viễn — Hằng-Phương — Vân-Thạch — Minh-Tuyền*
Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt truyện » (V) — *Thọ-Xuân Lê Văn-Phúc*
Trúc mai sum-họp (X) — *Chu-Thiên*

0$20

HỌC VÀ THỨC

HOA-BẰNG

Ta thường nói « học thức » để chỉ hạng người có học-vấn, có kiến-thức. Chỉ vì hai tiếng « học thức » ấy đã quen tai quá, nên ta ít khi để ý nhận xét kỹ càng.

« Học » có nghĩa là chịu sự dạy dỗ của người ta mà bắt chước lấy. Lại có nghĩa là nhân nghiên-cứu các sự-vật mà biết được cương-lĩnh và điều-mục về các sự-vật ấy.

« Thức » có nghĩa là thấy sự-vật gì mà biết phân biệt cho rành rẽ. Lại có nghĩa là tỏ kiến giải đối với sự-vật gì.

Nếu giải-thích như thế thì «học» và «thức» có nghĩa hơi khác nhau và có thể chia làm đôi được. Vậy nay ta thử theo hai phương-diện « học » và « thức » mà bàn sơ qua.

∴

Việt-nam xưa nay vốn có tiếng là một dân-tộc chịu học. Ở thời đại xưa, đối với văn hóa Tàu, người mình mở cửa hoan-nghênh ngay từ hồi Bắc-thuộc (từ năm 111 trước Tây-lịch đến 939 sau Tây-lịch).

Đến thời kỳ độc lập, trải từ Ngô, Đinh, Lê, Lý trở về sau, nào theo Nho-giáo, nào lập Văn-miếu, nào thờ Khổng-tử, nào mở khoa thi, triều-đại nào cũng tỏ ra sùng nho, trọng học. Nhưng sao, ngoài cái học cử-nghiệp ra, người mình xưa kia chưa có gì đáng gọi là nền học vững-vàng, đáng nêu cho người sau biết rằng quốc-học của ta rực-rỡ là thế đấy?

Suốt mấy mươi thế-kỷ đằng-đẵng, ở xứ ta, cầu lấy những nhà có học-thuyết riêng như Mặc-tử, như Vương-Sung, như Vương Dương-Minh, thật trong muôn người chưa được một!

Phải chăng tại phương-hướng đi tới và phương-pháp vi-học của ta đã lạc bước, sai chiều?

Phải chăng tại ta đã riêng trọng khoa-cử, chỉ lăn lóc trong lối từ chương, không chú trọng đến thực-học?

Cũng là học nho, thế mà ở nước người, những tay tạo thời hào-kiệt như Trung-Giang-Đằng-Thụ, Hùng-Trạch-Phồn-Sơn, Đại Giám-Hậu-Tố, Cát-Điền-Tùng-Âm và Tây-Hương-Nam-Châu đều gây được học-phong ở đương-thời, xây được cho quốc-gia cái lâu đài « duy-tân » nguy-nga rực-rỡ.

Đó vì họ biết học theo cái hay, cái tốt của người, biết thực-tiễn, biết phát-huy và biết tuyên-dương cái học « tri hành hợp nhất ».

∴

Từ khi xoay theo tân học, thấm thoắt đã ngót một thế-kỷ nay.

Về phương-diện mô-phỏng, người mình không phải không tiến; nhưng chúng ta lấy làm tiếc rằng chưa được cung kính tặng bó hoa vinh-dự cho những ai như Montesquieu, như J.-J. Rousseau, như H. Bergson chẳng hạn.

Phải chẳng tại ta lại luẩn-quẩn trong vòng phù-phiếm mà không nhìn vào tận mặt thực tế?

Cái cớ sở dĩ kém cỏi về mặt học ấy có lẽ vì, nay cũng như xưa, ta mắc phải bốn cái thông-bịnh nay mà Lục-tử đã nói:

1 — Dẫu biết đường học, nhưng rông tình, buông dục, không chịu làm;

2 — Sợ việc lớn-lao, khó khăn mà không làm;

3 — Có công tìm-kiếm mà không thấy được đường lối;

4 — Chưa biết đường lối mà đã cho mình là hay biết rồi!

∴

« Thức » thường đi với « học ». Nhưng có người học nhiều mà thức ít; có người học ít mà thức nhiều.

Mở pho Quốc-sử, tôi thấy nhiều sự-thực đã trả lời như thế.

Nay xin riêng kể mấy nhân-vật có « thức » nhiều mà bị chìm tiếng trên lịch-sử:

Trần Thủ-Độ, theo Sử chép, tuy vô học, nhưng có tài lược hơn người.

Đây, một chứng-cớ:

Có người yết-kiến vua Trần-Thái-Tông (1225-1258) mà hặc về Thủ-Độ rằng: «Bệ-hạ còn thơ-ấu, thế mà Thủ-Độ có quyền rung chuyển được ông vua, thì đối với xã-tắc sẽ ra sao!» Nhưng khi thấy vua Trần-Thái đem người hặc ấy đến mách Thủ-Độ thì Thủ Độ lại thưởng cho tiền lụa sau khi đã nhận rằng quả thật như lời người ấy nói (Đại việt sử ký toàn thư, quyển V, tờ 28 a — 29b).

Hồ Quý-Ly, khoảng niên-hiệu Trần Quang-thái thứ năm (1392), có làm 14 thiên Minh đạo. Quý Ly cho rằng trong sách Luận-ngữ có bốn điều đáng ngờ như việc Không-tử muốn đi ra mắt nang

xem tiếp trang

CÓ THẬT LÀ SỬ-HỌC KHÔNG?

Ứng-Hòe NGUYỄN Văn-TỐ

ÔNG Phan-Trần-Chúc mới làm xong hai quyển *Thế-kỷ thứ 18* cho bộ *Việt-Nam sử-học* của nhà Mai-lĩnh. Quyển thứ nhất đề là *Triều Tây-sơn*, quyển thứ hai đề là *Bằng quận-công*.

Quyển *Triều Tây-sơn* có những bài sau này : Bài tựa, trang 5-6, Nguyễn-Huệ, trang 7-29 Vũ-văn-Nhậm, trang 30 45, Ngô-thì-Nhậm, trang 46-69, Phan-huy-Ích trang 70-79, Bùi-thị-Xuân, trang 80-82, Ngọc-Hân công-chúa, trang 82-101, La-sơn tiên-sinh, trang 102-111, Vũ-văn-Dũng, Trần-quang-Trung, trang 112-121, Nguyễn-Nhạc, 122-128, Kết-luận, trang 129-135.

Đọc bấy nhiêu tên chắc có người hỏi : Triều Tây-sơn chỉ có bằng ấy người thôi ư ?

Trên kia tôi đã nói : ông Phan-trần-Chúc làm cả một quyển về Bằng quận-công tức Nguyễn-hữu Chỉnh. Thế thì có lẽ ông còn nói đến những người dính-dáng với Tây-sơn ; ông nói cả đến tình-hình nước ta trong hồi ấy nữa.

Nay hãng xem ông soạn quyển thứ nhất ra làm sao.

Ngay bài đầu, ở trang 7-8, ông nói ông Nguyễn Huệ « đánh trận rất dai. Chứng cớ (?) là ông đánh nhau với Tàu suốt (?) từ đêm ba mươi tết đến ngày mồng năm tháng riêng mà không nghỉ một phút (!) nào ». Đến trang 14-15, ông Phan Trần-Chúc nói Nguyễn Huệ không phải là người vô-học, rồi ông dẫn một câu của Ngô-Thì-Nhậm như sau này : « Mùa xuân năm Đinh-Tỵ, tô (Ngô-Thì-Nhậm) đương mắc bệnh, có nằm mơ ( ) thấy Tiên-hoàng-đế (Nguyễn-Huệ) ngự ra Bắc-thành. Tôi nhân thảo một tờ chiếu-thư. Đến câu sau rốt, Tiên-Hoàng có chữa lại như vầy : « Trẫm lạc nhân hoàn lưu chính-trị ». Chữa xong ngài quay lại phía tôi, hỏi : « Trẫm thêm bảy chữ ấy có được không?» Tôi khấu đầu khen là hay. »

Chỉ tiếc là chuyện « nằm mơ » Nhưng sao đã là chuyện nằm mơ lại còn dùng làm sử-liệu?

Ở đoạn Ngô-thì-Nhậm, trang 48-49, ông Phan-trần-Chúc chép : « lúc Nhậm đầy tuổi tôi, cha là Ngô-thì-Sĩ cũng theo lệ thường bầy ra những vật, bút, kiếm v v., cho Nhậm chọn lấy một thứ để xét về cái xu-hướng tương-lai của con. Nhậm cầm lấy một ngọn bút, Để thử con, Ngô Thì-Sĩ lại viết một chữ tên mình : Sĩ, để trước mặt Nhậm. Nhậm liền phẩy một nét lên đầu chữ Sĩ, thành chữ Nhậm. Ngô Thì-Sĩ nhân đó đặt tên con là Thì Nhậm. »

Những chuyện hoang-đường như thế, nước nào cũng có : người ta thường gọi là « dật sử » hoặc « truyền kỳ » không ai chép làm « sử học », vì sử-học ngày nay đã có phương pháp nhất định. Cái phương pháp ấy có thể tóm tắt như sau này : lọc tài-liệu cho kỹ càng, phê-phán, giải thích cho phân minh, — dẫn chứng cho rõ ràng, không nên dùng những câu : « Tương-truyền rằng » «Có sách chép rằng », v.v.

Ông Phan Trần-Chúc cũng có dẫn sách như trên kia, nhưng lại là chuyện « nằm mơ » ; ông dẫn cả đoạn sách sau này ở trang 9 nhưng lại dịch thiếu: «Đã quyết định trừ (Vũ-Văn Nhậm) rồi, Huệ chỉ mang theo có vài trăm thân binh, đi gấp đường ra thẳng Thăng long. Lúc Nhậm ra đón ở Văn-điển, Huệ vẫn ôn tồn uỷ dụ và nhường ngựa cho cưỡi, tuyệt nhiên không để lộ cái dụng tâm sâu sắc của mình ra một chút nào. Mãi tới khi về đến dinh Tiết chế rồi, ông mới sai đao phủ lôi Nhậm ra chém. Nhậm kêu xin, ông chỉ cười và trả lời bằng một câu vắn tắt : « Vì mày có tài hơn ta, nên ta không thể dung mày được » Ông Phan Trần Chúc chua là «theo Việt-sử Khâm-định»

Dở *Khâm định-Việt sử* ở quyển 47, tờ 28b, 29a, thì thấy chép rằng: « Mùa hạ tháng tư năm mậu thân 1788 hiệu Chiêu-thống thứ ba

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Không tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Tỉ-khẻo kinh	
Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ 2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10 °/. làm cước phí. — Cũng gởi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25 °/. và khỏi cước

Thơ đề:

M. ĐOÀN TRUNG-CÔN

143 - Rue de Louvain, Saigon

đời vua Lê Mẫn-đế, Nguyễn Văn Huệ vào Thăng long giết Võ Văn Nhậm, cho Ngô văn Sở thay Nhậm nhận lấy quân quyền. — Nguyên khi Huệ sai Nhậm ra lấy Bắc-hà trong lòng có ý ngờ, nên sai Ngô Văn-Sở và Phan văn Lân - làm tham tán để chia quyền, bèn mật bảo Sở rằng : « Nhậm là con rể huynh-vương, ta với huynh-vương có hiềm khích, trong lòng hắn chắc không yên. Chuyến nay đi, cầm trọng binh vào nước người; sự biến không thể liệu trước được; ta để tâm không phải ở Bắc-hà, chỉ để tâm vào nhậm. Người nên xét chỗ vi ẩn, mau-mau bảo ta. » Kịp khi Nhậm thừa thắng tràn ra Bắc, vào Thăng long, bắt Hữu - Chỉnh, tự cho mình là oai-võ, khiến người ta phải phục, không kiêng nể ai, làm nhiều điều trái phép, tự đúc ấn chương, thiện tiện mệnh vua, chuyên quyền việc nước. Sở vốn cùng Nhậm có hiềm - khích, liền mật-thư vu - cáo tội trạng làm phản của Nhậm. Huệ bèn đem thân-binh thẳng tới Thăng long. Văn - Nhậm ra đón, Huệ nói chuyện ôn tồn, tỏ lời phủ-ủy, sai lấy lọng của mình che, che cho Nhậm, đưa ngựa của mình cưỡi cho Nhậm cưỡi. Khi đã vào thành, Huệ sai người trói Nhậm, giao đình thần tra xét ; khi tra xét xong, không thấy có tội gì, bèn phán rằng : « Ngươi không nên nhiều lời : tài ngươi hơn ta, ta không dùng được. » Nói xong; sai người đem chém, liền cho Văn - Sở làm đại tư mã thay Nhậm, nhận lấy quân quyền, kiêm chức trấn phủ Thăng long».

Ông Phan Trần-Chúc lại kể lại việc giết Võ văn-Nhậm một lần nữa ở trang 43, ông nói chép ở sách khác, nhưng không nói rõ là sách nào : kể ra cũng không quan trọng cho lắm. Chỉ những chữ nhầm như chữ sau này mới thật là quan trọng.

Ở trang 84, ông Phan Trần Chúc chép việc Nguyễn văn-Huệ lấy con gái vua Lê Hiển - tôn, là Ngọc Hân công chúa. Ông nói Nguyễn hữu Chỉnh giả là lời vua Lê nói rằng : « . . . Vả Hoàng thượng lại nghĩ rằng tuổi mình đã già, sợ khi Thượng-công về Nam thì không tin cậy vào ai được, nên có ý muốn kết dâu-gia với Thượng công, không biết ý Thượng công thế nào, nên chưa dám nói. » Huệ cười hỏi : « Xưa nay người chinh-phu tình vợ chồng lại càng thiết lắm. Hoàng-thượng cũng soi biết cho như thế ư ? Hoặc-giả là Hoàng-thượng muốn gây tình dâu-gia để làm lợi cho hai nước ? » — Đi lấy con gái người ta, sao lại gọi là dâu - gia ? Dâu - gia hay thông-gia là « hai bên bố mẹ có con lấy nhau » kia mà (xem *Việt-nam tự điển* của Hội Khai-trí tiến đức) ! Sach *Nam-sử tập-biên*, chép bằng chữ nho (số sách của Trường Bác-cổ : A 12, quyển 6, tờ 18 b) nói như thế này mới đúng : « Dục liền nhị tính chi thân », nghĩa là « Muốn nối thân tình hai họ ».

Ở trang 49, ông Phan Trần-Chúc chép « Năm 16 tuổi, (Ngô Thì —) Nhậm theo sự chỉ-dẫn của cha, soạn ra bộ Việt-sử toát-yếu, 27 quyển, văn-chương giả dặn và ý tưởng nhiều chỗ rất dồi dào ». Ông Phan Trần-Chúc có được đọc 27 quyển «Việt-sử toát-yếu » ấy không ? Gia-phả họ Ngô, tức *Ngô-gia thế-phả*, sách làm bằng Hán-văn, bản sao của Bác-cổ, số A 648, tờ 57 a, chép là « Thập-lục, soạn nhị - thập - thất sử toát yếu », nghĩa là năm mười sáu tuổi, soạn quyển toát yếu cho bộ sách Nhị-thập-thất sử, chứ không phải là soạn 27 quyển sử toát yếu, vì theo lối văn Tàu, nếu thật là làm 27 quyển, thì câu ấy phải đặt là « soạn toát-yếu nhị-thập-thất quyển ». Gia phả cũng không nói đến Việt sử. Còn « Nhị thập thất sử », tôi không biết có phải viết nhầm hay không, tôi chỉ thấy ở Bác-cổ có bộ *Nhị-thập nhất sử, Nhị-thập nhị sử,*

Đã xuất bản

Mẹo chữ Hán, một quyển sách rất cần cho người học chữ Hán. Giá 0p.35
Nét mực tình thơ văn của cử-nhân Dương Bá-Trạc. Giá 0p.30
Tiếng gọi đàn (luận thuyết) — id — Giá 0p.30
Chữ nho học lấy — id — Giá 1p00
Đời tài hoa (tập lịch-sử ly kỳ của cụ Nguyễn Hàm-Ninh, bạn đồng thời với các cụ Cao Bá-Quát, Nguyễn Văn-Siêu, Nguyễn Công-Trứ, Tùng Thiện-Vương và Tuy Lý-Vương). trong sách có tự-tích cụ Cao Bá-Quát và Tùng Thiện-Vương. Giá 0p.35
Công việc nhà Băng rất cần cho các nhà buôn của Dương Tự-Nguyên Giá 0p 65
Vận văn bách tuyển (sách cho trẻ học rất tốt đã in đến lần thứ 5 ,của Dương Tự-Quán. Giá 0p.50
Tập bài thi bằng sơ học yếu lược của Dương Quảng-Hàm và Dương Tự-Quán đã in đến lần thứ 7 Giá 0p.55
Ấu học pháp tự tân thư, trẻ con mới học chữ Pháp nên dùng quyển này của Đặng đình-Hướng, đã in đến lần thứ 5 Giá 0p.12

Mua 1 quyển thêm cước thường 0p. 10
Mua cả, cước chung từ 0.p28 đến 0p.46

Đề cho : ĐÔNG - TÂY THƯ QUÁN *195, Hang Bông — Hanoi*

Nhị thập tứ sử. Về chữ nhị thập tứ, chỉ có *Nhị-thập-thất Tùng đường tập ký*, chứ không phải sử.

Ông Phan Trần-Chúc còn chép nhiều chữ sai nữa. Như ở trang 65, tập *Bút hải tùng đàm* và tập *Thủy vân nhàn đàm* (hoặc *nhàn vịnh*) của Ngô Thì-Nhậm (1), ông sao là «Bút hải nghiêm đàm» và « Thủy vân gian vịnh » ! Vân vân.

Xem như thế cũng đủ biết sách ông Phan Trần-Chúc không phải là sách «sử-học», vì không những sai nhầm nhiều quá, lại còn chép những chuyện huyền-hồ, thêm thắt thêu dệt y như chuyện tiểu-thuyết. Thảo nào ngay bài tựa ông đã chép lại câu : « Từ ngày có các nhà viết sử đến giờ thì thôi, không làm gì có sử nữa » (2) ở trang 7 !

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

1) Tập *Bút hải tùng đàm* và tập *Thủy vân nhàn đàm* đều thấy chép cả trong bộ *Ngô-gia văn phái*, sách viết của Bác-cổ, số A 117. Viết thảo, thì *tùng* với *nghiêm* dễ lẫn với nhau lắm ; nhưng *nghiêm đàm* thì không có nghĩa gì, chứ *tùng đàm* đã thành danh-từ, *nhàn đàm* cũng vậy. Ông Phan Trần-Chúc sở-dĩ đọc nhầm là *gian-đàm* là vì chữ *gian* viết *môn* ngoài *nhật* trong, còn chữ *nhàn* thì *môn* ngoài, *nguyệt* trong.

2) Câu ấy là câu của ông Bossuet. Trong bài tựa, ông Phan Trần-Chúc nói rằng : « Vì nhà làm sử — nhất là các nhà làm sử ở Đông-phương — thường căn-cứ vào những sách đã chép sẵn của Quốc-sử-quán hơn là những tài-liệu do chính mình tìm ra ». Tôi thiết-tưởng không nên nói trùm như thế : đối với việc học, cũng như đối với mọi việc khác, nói trùm là tỏ ý thiên-lệch. Xem ngay câu này trong bài tựa, lại càng rõ nữa. Ông Phan Trần-Chúc bảo Quốc-sử quán « là cơ quan ăn lương của một triều-đại để phô trương những cái tốt, cái hay, đồng thời cũng là giấu những cái xấu, cái dở của triều đại ấy ». Nếu có phải thật như thế, thì sao trong « Lê Hoàng-triều kỷ » ở sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 10 tờ 1 a, lại có sử-thần nói vua Lê Lợi như thế này ? Thái tổ « có thể gọi là một ông vua có mưu lớn sáng nghiệp, nhưng lại có một chỗ kém, là hay ghét, hay giết». Nguyên văn chữ Hán là « khả vị hữu sáng nghiệp chi hoành mô hỹ, nhiên đa kỵ, hiếu sát, thử kỷ, sở đoản giả ». Còn nhiều đoạn nữa, xem cũng có vẻ công bình xác thực lắm : thế mới biết phần nhiều sử thần đời xưa cầm bút chép truyện rất là đứng-đắn thận-trọng.

Thống chế Pétain đã nói :

« Chúng ta hãy giải mối ngờ-vực tích-lũy từ mấy đời chia-rẽ và tranh-dành, chúng ta hãy quay đầu về những nhờn-giới xa rộng để mưu sự hoạt-động trên một cõi Âu-châu giảng-hòa.

Học và thức

tiếp theo trang 2

Nam-tử, việc ngài ở nước Trần bị hết lương ăn và việc Công-Sơn Phật Bật mời, ngài muốn ra, vân vân. Quý-Ly lại cho Hàn-Dũ là kẻ đạo nho và cho bọn Chu Mậu-Thúc, Trình Di, Trình Hiệu, Dương Quy-Sơn, La Trọng Tố, Lý Diên Bình và Chu-tử là hạng học rộng mà tài sợ, chỉ chăm lột cắp sáo cũ chứ không thiết thực đến việc làm !... (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, *quyển XI, tờ 18*).

Những nhân vật ấy, dầu ai không ưa đến đâu, cũng phải nhận là có cao kiến và trác thức nhiều lắm.

∴

Ở đời, có người chỉ biết kinh mà không biết quyền ; có kẻ chỉ xử được thường mà không xử được biến : ấy cũng chỉ vì kém «thức» mà nên nỗi thôi !

Mong rằng, ở xứ ta nay, có nhiều nhân vật xứng đáng với hai tiếng «học thức», đem sở-học mà giác-ngộ cho đồng-bào, tạo thành một thứ văn-hóa chân-chính rực rỡ cho xứ sở, gây được một nền quốc học vững chãi phong phú để làm cơ sở cho quốc gia. Như vậy mới không phụ những điều đã học, mới không thẹn với các danh nhân đông, tây, mới làm phu được lòng kỳ vọng của dân chúng.

HOA-BẰNG

Vừa xuất bản

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá : 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12 Cước đảm bảo 0p22

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Cái chết của TRẦN TIỄN-THÀNH

ĐÀO DUY-ANH

NHÂN lúc rảnh, dở chồng báo Tri-tân cũ xem lại ít bài tôi thấy có một bài thú vị mà khi mới đăng tôi không để ý — có lẽ vì tập báo Tri-tân số 32 đến nhằm khi tôi đi vắng mấy ngày vào khoảng đầu tháng chạp âm-lịch năm ngoái — tức là bài « *Ông Trần Tiễn-Thành bị hại thế nào?* » Thấy đầu đề quen nên tôi dừng lại đọc qua, càng đọc càng lạ lùng càng thất vọng : tuy một bài chỉ dài hơn hai cột báo mà cố tìm không được một chút gì là đúng.

Nhân nghiên cứu về Trần Tiễn Thành (1), tôi có ít nhiều tài liệu về cái chết của vị lão-thần ấy, nên tôi viết bài này để đính chính lại tất cả những điều sai lầm người ta thường viết về vấn đề ấy từ trước cho đến bài của ông bạn Tiên-đàm nói đây.

***

Trước hết, xin nói ngay rằng Trần-tiễn-Thành không phải «vốn tổ-quán ở Bần-yên-nhân, Hưng-Yên» và « do cử-nhân xuất thân». Ông chính quán ở làng Minh-hương, tổng Vĩnh-trị, huyện Hương-trà, phủ (nay là tỉnh) Thừa thiên. Họ Trần là một trong mấy họ xưa nhất của làng Minh-hương tục gọi là Phố-Lở. Viễn-tổ họ ấy là Trần-Dưỡng-Thuần, ở làng Ngọc-châu, huyện Long-khê, phủ Chương-châu, tỉnh Phúc-kiến, sau khi nhà Minh mất ngôi, không chịu thần-phục nhà Mãn-Thanh, đã cùng với bao nhiêu đồng-bào lánh nạn ra ngoại dương Dưỡng-Thuần với mấy người khác đến trú ngụ tại làng Thanh-hà xứ Thuận-hóa vào khoảng sau khi Chúa Nguyễn dời kinh-đô từ Phúc-yên đến Kim-long (1636), rồi dần dần làng Minh-hương thành lập

Thân-phụ Tiễn-Thành là Trần Triều-Dục, làm nghề dạy học ở làng, sau được Trịnh-Hoài-Đức cất nhắc làm quan đến chức Tri phủ Tân-bình ở Gia-định, rồi mất ở đấy. Bấy giờ Tiễn-Thành mới 12 tuổi, ở với người bà cô ở Chợ-Dinh để học, đến năm 21 tuổi vào Quốc-tử giám, nổi danh về tài làm phú, nhưng mãi đến năm 25 tuổi mới đậu Cử-nhân và năm 26 tuổi đậu Tiến-sĩ.

Khi thi đậu vốn tên là Thời-Mẫn 時敏, sau làm quan ở Triều, được vua Tự-Đức mến chuộng, mới ngự tứ đổi tên là Tiễn-Thành 踐誠 (đi trên đường thành thực) bây giờ ông ở chức Thự-Tả Thị-lang bộ Công, sung Các-vụ. Khi vua Tự-đức thăng hà thì Tiễn-Thành đã thăng đến hàm Văn-minh-điện đại-học-sĩ, lãnh chức Binh-bộ Thượng-thư, nhưng vì tuổi già sức yếu, vua cho Tôn-thất-Thuyết lãnh chức Thự Thượng thư để giúp đỡ.

***

Vua Tự-đức vốn người nhiều bệnh, sau khi thành Hà-nội thất thủ, ngài càng lo buồn nên bệnh thêm nặng. Ngày 14 tháng 6 năm thứ 35 (28 juillet 1882) ngài ban di-chiếu cho đình thần cử con nuôi đầu (hoàng trưởng tử) là Thụy quốc công Ưng Chân kế vị, và cử Trần tiễn-Thành sung Phụ chánh đại thần, Nguyễn văn-Tường và Tôn thất-Thuyết sung Đồng phụ chánh đại thần. Sau khi được xem di chiếu, Trần tiễn Thành cùng với hai quan Đồng-phụ chánh dâng sớ xin vua bỏ mấy chữ trong di chiếu nói về tính xấu của tự quân quá nặng : «Tính phả hiếu dâm, diệc đại bất thiện, vị tất năng đương đại sự» (2) Nhưng vua Tự đức không chịu bỏ đoạn ấy, nói rằng cốt nói nặng để kích thích cho tự quân cải thiện tòng tân.

Ngày 16 tháng ấy vua Tự-đức thăng hà. Tự-quân vào điện Hoàng phúc để chịu tang; nhưng ngày 18, Nguyễn văn-Tường và Tôn thất Thuyết, không bởi ý-kiến Trần Tiễn-Thành, tự tiện dâng sớ lên Từ dụ Thái-hoàng Thái hậu để kể tội tự-quân và xin phế vị, đại khái kể ba tội lớn là:

1) Muốn bỏ bớt di chiếu (3);

2) Trong lúc làm điện-lễ tiên đế mà mặc áo màu lục ;

3) Tính dâm dật và ưa ăn uống.

Bà Từ dụ bằng lòng cử hoàng-đệ là Lãng-quốc-Công lên ngôi, còn tự quân thì bị giam kín ở Dục-đức-đường, đến phải chết đói và khát. Trong buổi triều hội ở nhà Tả vụ, khi Tường và Thuyết kể tội tự-quân để xin phế, Trần tiễn-Thành muốn ngắt lời, nhưng Thuyết trợn mắt quát rằng : «Tội ông cũng to lắm, ông còn nói gì ? » Cả triều không ai dám cãi, duy có quan Chưởng-ấn Khoa-đạo Phan Đình-Phùng dám đứng dậy cãi. Thuyết lại bắt trói để trị tội,

nhưng sau nhờ có Nguyễn Trọng Hiệp can, nói với Thuyết rằng người trung-trực như Phan Đình Phùng sau này có lúc phải dùng đến, nên vị thủ-lãnh cuộc Cần-vương sau này, bấy giờ chỉ bị lột hết chức và đuổi về quê.

Sau lễ tấn tôn vua Hiệp-Hòa, Trần Tiễn - Thành được thăng hàm Cần-chánh-điện-đại-học-sĩ Bấy giờ ở Bắc-kỳ quân Pháp vẫn lần lượt hạ các thành trì ở trung châu, mà Triều-đình thì chỉ còn một nước là trông vào Trung-quốc. Trong khi ấy Trần Tiễn - Thành vẫn đau yếu, lại thêm hai chân tê nhức, phải dâng sớ xin miễn triều và ở nhà làm việc. Nhưng trong khi ông vắng ở triều thì hai vị Khoa đạo là Hoàng-Côn và Đặng Trần-Hanh, muốn xu-phụ Tường và Thuyết, nên dâng phiến tham Trần Tiễn-Thanh về tội giảm bớt di-chiếu khi tuyên đọc ở nhà Hữu-vu điện Cần-chánh. Vua Hiệp-Hòa giao việc ấy cho đình thần công nghị.

Trần Tiễn-Thành dâng sớ biện tội rằng : « Ngày 14 tháng trước, tiên đế triệu bọn chúng tôi là Trần Tiễn-Thành, Nguyễn Văn-Tường và Tôn Thất-Thuyết vào chầu và giao cho bọn chúng tôi một cái hộp đựng di-chiếu. Bọn chúng tôi lui về giám-phòng để mở xem. Trong chiếu có một đoạn nói rằng : « Tính hay hiếu dâm, lại là đại bất thiện, sợ không làm nổi việc lớn». Nguyễn Văn-Tường nói rằng : « Di chiếu là trao truyền ngôi lớn, mà xem đoạn ấy không được ổn-thỏa, tưởng nên tâu xin bỏ đi. Tôn Thất-Thuyết cùng tôi cũng cho là phải, bèn hội đồng làm phiến dâng lên, nhưng tiên-đế không cho. Ngày 18, Thụy Quốc-công triệu bọn chúng tôi vào Quang-minh-điện bàn rằng : Người ở trên đầu thiên-hạ, tất cũng phải có đức ở trên cả thiên-hạ. Trong di-chiếu có đoạn « Tính phả hiếu dâm » là do tiên-đế lo xa muốn thâm giới tự quân mà nói thiết như vậy, ông ấy vốn không dám cưỡng mệnh. Duy ngày nay việc nước đa đoan, việc giao-thiệp đương lôi thôi, thảng hoặc tiếng ấy đồn ra thì không những bọn phiến loạn có cớ tạ từ, mà nước láng giềng cũng sẽ nhân thế mà khinh thị, thì việc nước làm sao mà cứu được ? Song đoạn ấy có thể bỏ được hay không thì ông ấy khong dám tự tiện Bọn chúng tôi đáp rằng đoạn ấy đã xin tiên đế bỏ rồi mà không được, nay không dám tăng giảm Ông ấy xin bọn chúng tôi nghĩ lại chứ để thì ngại cho việc nước lắm. Sang ngày 19, Nguyễn Văn-Tường cáo bệnh, không dự tuyên lễ, tôi cũng hai, ba lượt xin từ vì già yếu, nhưng Tôn Thất-Thuyết cho rằng tôi ở bực trên nên không chịu nhận đọc di-chiếu. Tuyên-lễ đã bạch, tôi không thể nào từ chối, bèn phải tuyên đọc. Duy bấy giờ trong lòng ai thống, lại thêm bệnh mới dậy nên tai ù mắt choáng, tinh thần hoảng hốt, đọc có sót hay không thì tôi không kịp biết Nay các quan Khoa-đạo ấy có tâu đàn-hạch, tôi xin vạn cam chịu tội ».

Đình - thần xin chiếu luật « Truyền tả chế thư sai sót », mà xử tội trượng và cách chức. Nhưng vua Hiệp Hòa lấy lẽ Trần Tiễn-Thành là cựu thần đã trải bốn đời vua, chỉ giáng hai cấp lưu, song lại cho được khoan-miễn trước khi có ân xá.

Trần Tiễn-Thành phần đã già yếu, phần thì thấy thế tự nguy của mình ở Triều, bèn xin từ chức để về nhà dưỡng bệnh. Bấy giờ quân lục chiến của Thủy sư Đô-đốc Courbet đã chiếm được cửa Thuận-an, Tiễn-Thành lại bị triệu vào Triều để bàn về việc xin hòa và bị phái đi Kim-long nhờ Giám - mục Caspar đứng trung gian để xin đình - chiến. Đến tháng 8, sau lễ ninh-lăng vua Tự-Đức, Tiễn-Thành lại cáo bệnh xin nghỉ, nhưng mãi đến tháng 9 mới được phép nghỉ hẳn các việc mà về dưỡng bệnh ở biệt-thự tại Chợ Dinh.

Nguyễn Văn - Tường và Tôn Thất-Thuyết bấy giờ càng thêm quyền hành. Vua Hiệp-Hòa do họ đặt lên chỉ là một cái bù-nhìn ở trong tay họ ; quan Phụ-chánh Tiễn-Thành thì thấy họ cố tình mưu hại nên phải lui ẩn. Hai vị hoàng-thân, Thọ-xuân-vương và Tuy-lý-quận-vương mà di-chiếu của tiên-đế ủy làm cố-vấn cho quốc-gia cũng phải làm thinh. Nhưng vua Hiệp-Hòa không chịu ngồi làm cái bù-nhìn trong tay quyền thần, chỉ mong có cơ hội là trị hai người ấy. Hòa - ước Harmand Triều-đình vừa ký với đại-biểu nước Pháp ngày 25 Aout là cái cơ-hội bất ngờ và đau đớn cho vua Hiệp - Hòa mưu việc. Ngài bàn bạc với hai người thân tín là Hường-Sâm, con Tuy-lý-vương, và Hường-Phi, con Tùng-thiện - vương mà ngài mới cất nhắc cho một người làm Tham-biện Nội-các, một người làm Tham-tri Lại - bộ. Ngài lại cậy Tuy-lý-vương đi thương-thuyết để nhờ quân Pháp giúp cho.

(Còn một kỳ nữa)

ĐÀO DUY-ANH

---

1 Một bài tiểu sử Trần Tiễn-Thành, thuật kỹ càng về sinh-bình và sự-nghiệp của quan Phụ chánh họ Trần, sẽ đăng trong Bulletin des amis du vieux Huế năm 1943.

2 Tính rất hiếu dâm, lại là đại bất thiện, không chắc đương nổi việc lớn.

3. Tự-quân có xin với các quan Phụ chánh bỏ đoạn di chiếu nói tính xấu của mình, nhưng các quan nói rằng Tiên đế đã không muốn bỏ thì họ không dám.

TRA NGHĨA CHỮ NHO

SỐ 15 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VIII. — CHỮ K (bài nối)

Ở trang 138 quyển *Tầm nguyên từ điển*, dưới chữ *kỷ-cương*, nên chữa chữ *kỷ* một bên chữ *mịch*, hoặc bán *ti*, nghĩa là nửa chữ *ty*, một bên chữ *kỷ*, chứ không phải chữ *tỷ* Ta có câu : *tỷ* thò, *kỷ* thụt, *dĩ* lưng-chừng. Nên chua chữ *kỷ-cương* có một nghĩa là phép tắc chép trong kinh-điển, *Từ-nguyên* gọi « điển-chương pháp độ » ; một nghĩa nữa là đây-tớ : *Tả truyện* chép Tần-bá đưa ba nghìn người nước Vệ sang nước Tấn, nói là đây-tớ, cho nên tục gọi đây-tớ là *kỷ-cương*, cũng có khi gọi tắt là *kỷ*. *Cương - kỷ* khác nghĩa *kỷ-cương* : người quay tơ kéo sợi to gọi là cương, sợi nhỏ gọi là kỷ. Kinh *Thi* có câu : « Cương-kỷ tứ phương », nghĩa là sửa sang bốn phương, ý nói ông vua trị thiên-hạ cũng như người quay tơ, sợi to lấy trước, sợi nhỏ lấy sau.

Đã có bán

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . *Một công trình có giá trị « về lịch sử và một tấm gương « tiết tháo để soi chung* ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM

19, Rue Sabourain, Saigon

phát hành.

Ở trang 139, nên cắt nghĩa chữ *kỷ-di* là người trăm tuổi. Kỷ là kỳ hạn, thì giờ định trước Di là nuôi. Kinh *Lễ* có câu : « Bách niên viết kỷ, di », nghĩa là trăm năm gọi là một hạn, phải có người nuôi.

Cũng ở trang 139, dưới chữ *kỳ lân*, nên thêm con có sừng là lân, con không sừng là kỳ : *Từ-nguyên* cắt nghĩa *kỳ* là « lân chi vô dác giải », và *kỳ-lân* « là tên muông-thú, giống con hươu mà lớn, đuôi trâu, vó ngựa, có một sừng thịt — « nhục dác » — lưng có lông ngũ sắc, bụng có lông vàng, không xéo vào cỏ sống, không ăn vật sống ; đời nào có thánh-nhân hoặc có vua theo vương-đạo, thì nó mới hiện ra, « thánh-nhân xuất, vương-đạo hành, tắc hiện vân ». Nay trong đất Phi-châu, có giống thú hình như con hươu, cổ và chân trước rất dài, đầu cao cách đất một trượng năm thước trở lên, tức là sáu thước tây, hay ăn mầm non của loài cây ; chữ Pháp gọi là *girofe*, người Nhật dịch là *kỳ-lân*».

Ở trang 140, dưới chữ *kỳ mục*, phải chữa chữ *kỳ* viết *lão* trên, *viết* dưới, chứ không phải *mục* dưới. *Kỳ* nghĩa là già : kinh *Lễ* có câu « lục-thập viết kỳ », sáu mươi tuổi gọi là kỳ. Còn có nghĩa là mạnh, là đến : « trí giả » ; chữ *Từ-nguyên*.

Ở trang 143, dưới chữ *khải hoàn*, nên chua rằng người Tàu viết là *khải-tuyền*. Chữ tuyền viết một bên chữ *phương*, một bên phẩy, ngang, dưới chữ *thất* là tấm vải. Có người đọc là *triền*, cũng nghĩa là vẽ như chữ *hoàn*. Vì hủy cho nên ta đọc chữ tuyền là chữ toàn, mà khi làm văn phải viết ra chữ hoàn. Khải là hòa, là vui ; gió nam cũng gọi là khải phong. Khi quân đi đánh trận được, trở về, gọi là khải-hoàn, đều lấy ý nghĩa là hòa vui. *Khâm-định Đại-Nam hội-điển sự-lệ* chép trong lễ quân, có lễ khải - hoàn, nghĩa là đánh được giặc về, làm lễ ăn mừng. Văn Tô-Thức có câu « Khải-tuyền tiệp tấu », vui vẻ đem quân về, tâu tin được trận. Khải-hoàn-môn là cửa của người Âu Mỹ dựng lên để ghi những công trạng về chiến-sự ; chữ Pháp gọi là *arc de triomphe;* người Tau cũng có thứ kiến-trúc ấy, gọi là bài lầu.

Ở trang 143, dưới chữ *khao*, nên chia ra hai nghĩa, một nghĩa của Tàu là cho quân ăn : « hướng quân giả » ; nay thưởng những người khó nhọc với mình cũng gọi là khao : « kim diệc vị thưởng lao viết khao » ; — một nghĩa của ta là làm cỗ mời làng về dịp được thưởng phẩm hàm, vọng ngôi thứ, vân vân. Ông Lê văn-Hòe nói rằng: « Về việc thi đỗ, Triều-đình (triều Nguyễn) đặt lệ khao rất giản-tiện : như đỗ tú-tài thì khao một con gà, một đĩa xôi và ba quan tiền, đỗ cử-nhân thì khao một con lợn, một mâm xôi và năm quan tiền, v. v.» *Hoàng-triều luật-lệ*, tờ 46b-47a, ở mục *Hương-ẩm tửu-lễ*, chép rằng : « trong xã dân, hoặc người có khoa tràng, sắc-mệnh, hoặc theo tuổi đến lượt lên chùm lên lão, theo lệ xỉ-tước *xỉ* là kể tuổi nhiều ít, *tước* là đỗ hoặc phẩm hàm, được khánh hạ, ăn mừng, theo lệ tọa thứ ngồi trên dưới được khao vọng. Chỉ cho lệ khánh hạ, nộp ba quan tiền để thay sinh tư — *sinh* là gà hoặc lợn, *tư* là xôi — và trầu rượu lệ khao vọng nộp một quan năm tiền để thay gà xôi trầu rượu ; nếu xã trưởng vin theo tập quán trong làng mà sách nhiễu, thì chiếu luật « vi chế » trị tội : « vi-chế » là trái phép. »

còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 34

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

KHOA kỷ-sửu, năm Quang-thuận thứ mười, tức là năm 1469, không có bia, chỉ thấy trong *Đăng khoa lục* chép hai mươi hai ông đỗ tiến-sĩ. Hai ông đỗ đệ-nhị-giáp là ông Phạm-Bá và ông Nguyễn như-Uyên.

Ông Phạm-Bá là người xã Phác-xuyên, huyện Tân-minh, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, kiêm Quốc-tử giám tế-tửu, vào hầu Kinh-diên. Tước Xuyên-quận-công, về trí-sĩ chép theo. *Đăng-khoa-lục*, quyển 1, tờ 15b, và *Đăng khoa bị khảo*, sách viết của Bác-cổ, số A 485, quyển Hải-dương, tờ 75b).

Ông Nguyễn-như-Uyên là người xã Hạ Yên-quyết, huyện Từ-liêm tỉnh Sơn-tây Đỗ năm ba mươi ba tuổi. Năm kỷ-hợi 1479, hiệu Hồng đức thứ mười, vua Lê-thánh-Tôn, 1460-1497 đi đánh Bồn-man, sai ông làm ký-lục các dinh quân. Làm quan đến Lại bộ thượng-thư, coi việc sáu bộ, kiêm Quốc-tử-giám tế-tửu, vào hầu tòa Kinh-diên. Ông là chú Nguyễn-xuân-Nham, là ông Nguyễn-khiêm-Quang, là tổ bốn đời Nguyễn nhật-Tráng, là tổ sáu đời Nguyễn-vinh-Thịnh ở làng Nghĩa-đô (*Đăng-khoa lục*, quyển 1 tờ 15b, và *Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 2b-3a). Về việc đánh Bồn man, *Khâm-định Việt-sử*, quyển 23, tờ 29b-30a, chép như sau này: « Mùa đông, tháng mười năm Hồng đức thứ mười, 1479, mọi Bồn-man là Cầm công làm phản, vua Lê Thánh-Tôn tự tướng thân chinh đến Thâu-bồ trở về. Tháng chạp sai tướng-quân là Lê-Niệm đi đánh, dẹp được yên. Nguyên họ Cầm đời đời làm phụ-đạo ở Bồn-man; vua Lê-Thánh-Tôn cho đất ấy liền cõi với các giống mọi khác, cai trị khó chọn được người, bèn chia đất ấy làm phủ Trấn-ninh, phủ có bảy huyện, đặt đuan phủ, huyện để xem xét việc trị dân. Đến đây, là năm 1479, nước Lão-qua xâm phạm ngoài biên, Cầm-công cậy thế Lão qua cứu viện, đánh đuổi lưu-quan, tức là phủ huyện của ta cắt lên, giữ lấy đất ấy, để chống cự với quan quân của ta. Kịp khi các tướng của ta đánh được Lão-qua, đưa thư báo tin, thì bị Cầm-công chặn đường, làm cho không thông tin được. Bấy giờ vua Lê Thánh-Tôn xuống chiếu tự mình làm tướng đi đánh. Quân tiến đến Phù liệt, bèn sai phó đoán sự ở vệ Cẩm y là Trần-Bảo, đô chỉ huy thiêm sự là Phạm nhân-Kính, sắp đặt quân lương và dụ lũ Lê thọ-Vực đem công việc đánh phá Lão qua giao Trần Bảo làm tấu-văn đệ lên vua xem. Tháng mười một, xa giá đến Thâu bồ, đóng đồn bốn ngày, rồi quay về. Vua Lê Thánh-tôn sai tướng-quân là Kỳ-quận-công Lê-Niệm đem ba-mươi vạn quân đến đánh, phá tan hết. Cầm-công chạy, rồi chết. Lê-Niệm đốt thành, phá kho Mọi Bồn-nam xin hàng. Vua Thánh-tôn phong cho người trong họ Cầm là Cầm-đông làm tuyên-úy đại-sứ, lại đặt các thổ quan để chia quyền cai trị. »

Ông đỗ đầu đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân khoa kỷ-sửu 1469, là ông Thân Nhân-Trung (xem *Tri-Tân*, số 25, trang 23). Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê Quí-Đôn, (sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 6 b), chép ông Thân-nhân-Trung, « tên tự là Hậu-phủ, người xã Yên-ninh, huyện Yên-dũng. Đỗ hội-nguyên đồng-tiến-sĩ khoa kỷ-sửu, hiệu Quang thuận thứ mười, đời Lê-Thánh-tôn. Được tuyển vào Nội-các rồi dần dần làm những chức Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, Đông-các đại-học-sĩ, Quốc-tử-giám tế-tửu, kiêm Lễ bộ thượng thư (1), coi việc viện Hàn lâm, Thị cận mật, Tham cơ chính. Hơn ba mươi năm được vua tin dùng, không ai bì kịp: những điển sách lớn và hiệu lệnh lớn trong triều đình đều qua tay ông. Vua Thánh-tôn sai làm bài tựa cho tập *Ngự chế Thiên-nam dư-hạ*. Các từ thần nối họa, thường đưa ông bình phẩm. Những văn thơ ngự chế cũng sai ông bình luận và khuyên điểm. Đặc cách cho hiệu là Tao đàn phó nguyên súy. Con là Nhân-Vũ đỗ khoa tân sửu 1481, hiệu Hồng đức thứ 12, cháu là Cảnh-Văn đỗ thám hoa khoa đinh vị 1487, hiệu Hồng đức thứ 18, con là Nhân Tín, tức là cha Cảnh Văn cũng đỗ tiến sĩ khoa canh tuất 1490, hiệu Hồng đức thứ 21. Một nhà khoa bảng hiển bách. Vua đặc cách tuyển Nhân-Tín vào viện Hàn lâm; thường có câu thơ khen rằng: « Nhị Thân phụ-tử bội ân vinh » nghĩa là hai cha con họ Thân mang ơn vẻ vang. Văn chương của ông Nhân-Trung điêu-sướng (chải-chuốt) thơ ông thanh nhã kín đáo, ông là bậc tông-tượng (thợ nòi) đời bấy giờ. Đã qua lâu đời tản-mát đi nhiều, nên chỉ thấy trong tập *Quỳnh-uyển cửu-ca* và tập *Văn-minh cổ-súy* còn vài mươi bài. » *Bộ Toàn-Việt thi-lục* sao lại hai mươi hai bài thơ cận-thể, phần nhiều là thơ «phụng-hoa ngự chế » về tướng sĩ nhớ nhà, người anh tài, chơi động Lục-vân, sông Thiện-vực nhổ chèo buổi sớm, lên bái yết Sơn-lăng, nhớ công nghiệp đức Thánh tổ, lên điện Quang-đức, lên nhà Kiến-thụy, đóng quân ở

xem tiếp trang 11

Du-ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 4

NHẬT-NHAM

TỚI cây số 186 là địa-phận xã Hùng-dị, đường bắt đầu quanh co khúc-khuỷu, chạy qua các miền rừng rậm núi cao.

Sau khi chạy được 31 cây số trên con đường đi Hà-giang, đến địa-phận xã Lư-khê (cây số 195), ô-tô rẽ về bên tay phải, sang con đường hàng tỉnh, rồi đến chợ Bợ cách đấy 3 cây số. Chợ Bợ đương mở-mang, có nhiều nhà gạch và nhiều cửa hàng buôn bán. Một quãng nữa là phà chợ Bợ. Vì có nước lũ, giòng nước sông Gầm chạy mạnh, nên phà chỉ chở riêng ô-tô, còn hành khách thì đi đò sang sông trước. Phải mất ít nhất là một giờ đồng-hồ, phà ô-tô mới tới bên kia.

Bên kia có nhiều hàng quán, có hiệu cao-lâu và có chợ. Tới nơi, chúng tôi vào quán ăn uống, tình cờ cùng ngồi một bàn với một thiếu-phụ An-nam đồng hành trong chuyến ô-tô ấy. Trong khi nói chuyện, thấy nói chúng tôi vào Đầm-Hồng để đáp xe hỏa đi Bản-ti, bà ta cho biết cũng đi một lối ấy để lên thăm chồng là một người Âu mới làm với Công-ty Mỏ và tỏ ý lo ngại không biết đi bằng cách nào để vượt được từ Chiêm-hóa đến Đầm-hồng, vì bà không quen ai ở Chiêm-hóa, khó lòng mà có ngựa đi ! Sau cùng bà ta ân-cần nhờ tôi khi tới Chiêm-hóa giới thiệu với quan Châu hộ để nhờ lấy ngựa giúp... Tôi y nhời.

Ăn xong, chúng tôi ra chợ quan sát sự mậu dịch miền này. Hoa-kiều chiếm đa số, các thổ dân phần nhiều bán gà vịt, măng, trứng, gạo. Chợ cũng lơ thơ ít quán gianh, phiên chợ phải ngồi lộ thiên.

Một lúc lâu, ô-tô sang tới nơi; người làm vào chợ ăn sáng, rồi lên đường. Từ đấy trở đi, đường đất rất xấu. Sau một trận mưa, mặt đường in vết bánh xe, sâu lõm, lắm lúc ô-tô chỉ muốn chồm nhầy xuống vực. Nếu tài-xế không giỏi tay lái, ô-tô khó tránh được tai nạn ! Vì leo nhiều dốc, dốc cao nhất, dài nhất là Đèo-Giả, nên động-cơ tăng nhiệt-độ, ô-tô thường phải năng đổ để lấy nước.

11 giờ tới Chiêm-hóa, - Gia-đệ đã cho một người nhà sang Chiêm - hóa từ chiều hôm trước, đưa thơ nhờ quan Châu sức ngựa và phu giúp, vì miền này không có ngựa và phu cho thuê, nên không có lệnh quan không thể có ngựa, có phu được.

Giao hành lý cho người nhà xong, chúng tôi vào châu. Ông Châu Đ. P. L. với tôi là tình cố-cựu, vẫn hẹn nhau khi qua Chiêm-hóa, ghé vào để họp mặt làm vui. Nhưng lại nhằm vào ngày ông đi nghỉ vắng, có ông Bang-tá Na-hàng P. X. A quyền nhiếp sự vụ.

Người thiếu-phụ cũng vào châu, ông Bang-tá hẹn chờ ngựa sau.

Ông Bang-tá mời chúng tôi vào tư-thất giải lao và cho biết đã sắp đủ hai con ngựa, một con của ông Châu và một con của ông Kiểm-lâm M. X. V. vui lòng cho mượn, mà phu và lính dõng cũng sẵn cả. Chúng tôi tỏ ý rất cảm-động và xin lỗi đã làm mất thì giờ của ông.

Nhà Chiêm-hóa làm trên bờ sông Gầm. Ngồi trong tư-thất nhìn ra : một làn nước đục cuồn cuộn từ chân núi bên kia chảy lại, đổ vào ngọn sông chính làm cho giòng sông Gầm càng thêm sức mạnh chảy xuôi. Hai bên bờ, cây cối một mầu xanh xanh mơn-mởn. Thỉnh thoảng lại có chiếc thuyền tải từ Đầm-hồng xuôi thẳng Tuyên quang. Những thuyền này theo giòng nước chạy nhanh gần bằng ô tô trên bộ, nhưng gặp nhiều thác rất là nguy hiểm. Đường thủy chỉ tiện khi xuôi. Nếu ngược từ Tuyên quang lên tới Đầm - hồng, ít nhất mất 10 hôm.

Tôi nhân hỏi thăm về tình hình châu Chiêm-hóa. Ông Bang tá có cho biết chân lý cũng không được đông vui, phố xá lơ thơ, buôn bán ít phần phát đạt, có sở kiểm - lâm, có trường học, có sân vận động có ty rượu.

Chiêm-hóa có nhiều lâm sản, riêng có thứ cá vẹt là sản vật rất quý. Thứ cá này, mình và hai mang đều đen cả. Hình thù cũng giống như cá thường, nhưng mồm nó cong như mỏ vẹt, mép trên dài hơn mép dưới. Cá rất nạc, thịt rất ngon sản tại xã Thanh tương. Hằng năm cứ đến tháng chín, nước xuống, thì bắt được nhiều cá vẹt. Nước lên, cá đi ẩn nấp vào các khe, các hang, không thể bắt được.

Về cổ tích, có miếu thờ Trinh-nữ tại xã Giá-chân.

Lâm thị-Cao là một thiếu nữ xã Giá chân, tuổi mới 19, trong khi đương mải miết làm việc nông tang giữa nơi đồn vắng, bị Nguyễn Văn-Lương tới xâm lăng. Thị-Cao không chịu, nhất định tự sát để giữ toàn trinh tiết.

Vua Tự Đức muốn nêu rệt trinh nữ, có phong sắc và sai đặt miếu thờ, để treo gương sáng cho hậu thế.

Ngồi chơi đã lâu và muốn chóng qua con đường 12 cây số để kịp chuyến xe hỏa 1 giờ rưỡi chiều là chuyến cuối, nên chúng tôi phải cáo từ ông Bang tá để lên đường. Trước khi bước chân ra khỏi tư thất, chúng tôi không quên cảm tạ ông Bang tá nhiều lần nữa.

Ông Bang tá tiễn chân chúng tôi ra tận cổng nha, sai lính dắt hai con ngựa ra ngoài, để hai anh em chúng tôi lên yên. Lính vừa đưa hai con ngựa ra tới cổng thì hai con vật trông thấy nhau liền nhảy lên đá lẫn nhau kịch liệt ! không ngờ đó lại là một điềm ... Chợt có một người đến nói với ông Bang tá : « Quan Kiểm con cho con đến xin quan cho ngựa về để đi có việc quan rất khẩn cấp ! »

Ông Bang-tá gắt : « Việc gì mà cần thế ! Sao không bảo trước để cho tôi mượn ngựa khác ? Đợi đến bây giờ sắp đi mới đòi, có phải nhỡ việc của người ta không ? »

Tôi chen nhời : « Thôi, ông ấy có việc cần thì trả ông ấy ? Chắc cũng là vạn bất đắc dĩ, người ta mới phải

đòi lại ngựa. Thôi, anh dắt ngựa về ! »

Thế là chỉ còn có một con ngựa của ông Châu ! Ông Bang tá ngỏ ý để cho đi lùng ngựa khác ; song vì đã muộn, và chúng tôi không muốn phiền nhiễu, nên vội kiếm lời từ tạ. Có một con ngựa, không nhẽ lại diễn lại cảnh : « *Cha con anh hàng bột và con lừa* » *Le meunier, son fils et l'âne* của La Fontaine, chúng tôi vui lòng cử bộ, hoàn ngựa lại ông Châu !

Rồi, sau vài câu xã giao, chúng tôi cùng người nhà của gia đệ và một tên phu gánh hành lý, tứ nhân đồng hành...

Qua phố Chiêm hóa xuống đò qua sông. Chúng tôi cũng không để ý đến thiếu phụ, không biết thiếu phụ đã khởi hành chưa. Mãi tới mấy hôm sau, nhân ngày phiên chợ Bản ti, tôi qua thăm chợ, có gặp thiếu phụ thiếu phụ cho hay rằng : « Sau khi ở châu ra, thiếu phụ hỏi thăm dân phố mới biết ông kiểm lâm có ngựa, thiếu phụ đánh bạo vào mượn thì ông kiểm lâm nhận nhời và sai người nhà đi đòi ngựa ở đâu, dắt về ngay ! Tuy có ngựa mà thiếu phụ cũng nhỡ xe hỏa, phải ngủ trọ ở Đầm - Hồng đến sáng hôm sau mới có tầu về Bản ti.

Đến lúc ấy, chúng tôi mới hiểu nghĩa câu « việc quan cần » của ông kiểm lâm [1]..

Sau khi qua đò Chiêm hóa, tới bờ bên kia sông. chúng tôi cho người nhà « mở hết tốc lực » chạy về Đầm Hồng trước, báo tin cho hỏa - xa chờ chúng tôi tới, sẽ chạy.

Vì đường đất gặp mưa lầy lội, lại có lắm dốc, nhiều đèo, nên đi có phần vất vả. Tên phu gánh hành lý chạy rất nhanh ; chúng tôi cần phải theo gần, để tránh sự bất trắc giữa đường và khỏi lạc lối. Vả, xem ra thì đã muộn, nếu tới chậm, sẽ không kịp chuyến xe hỏa, phải ngủ lại Đầm Hồng, lại thêm một nỗi mong đợi cho gia đệ ở Bản ti và một sự bực mình cho chúng tôi ! Vì vậy, dù vất vả, khó nhọc, chúng tôi cũng cứ «dũng mãnh tinh tiến kỳ» vượt tới đích.

Khi xuống dốc, lúc trèo đèo, thỉnh thoảng qua cầu gỗ, trên có nóc che, bắc qua suối ! Trên đỉnh núi là rừng xanh, dưới chân đồi là suối bạc, cảnh có phần u-nhã, khác với đồng bằng. Trong các thung-lũng, ruộng lúa xanh ùm, cỏ cây mon-mởn, ngựa thả, trâu ăn, đường cái phong quang không kém trung-châu vậy. Xa trông những dãy núi, lơ-lửng có nhà của người Mèo làm cạnh những miếng nương như chiếu giải. Thỉnh thoảng tiếng nước trong các khe ầm-ầm kêu réo, như có thiên binh vạn mã rầm-rộ kéo đến giục mình theo gương quân-sĩ mau bước trên đường chiến-đấu ..

Vượt qua 12 cây số, nhanh như vũ bão, không hề dừng lại một phút, tôi quay lại bảo gia đệ: « Phen này ta « yểu văn tu vũ » có nhẽ trở nên những « đạ - phi hành gia » !

Cách Đầm hồng 3 cây số, gặp trận mưa to. Chúng tôi đã mang theo áo đi mưa, nên không phải trú ẩn, cứ việc tiến !

Chẳng bao lâu tới đầm Hồng, xe hỏa vẫn còn chờ chúng tôi tới, mới khởi-hành.

Xếp hành lý lên xe hỏa, tôi cho phu 1 p. 00, rồi cho về Chiêm hóa, lại gửi nhời chào và cảm tạ ông Bang-tá một lần nữa.

Vì có chúng tôi đi, nên xe hỏa đã mắc sẵn một cái lory ở đằng sau, để ngồi cho đỡ bụi.

Xe hỏa đỗ ngay trên bờ sông. Gầm Công ty mỏ kẽm Chợ điền lỵ sở hạt bản ti dùng bến sông này để vận-tải vật liệu. Mỗi ngày có hai chuyến hỏa - xa 5 giờ 30 và 9 giờ sáng từ Chợ - Điền Bản ti chở quặng kẽm vào Đầm - hồng thường gọi là Na-Đền cho xuống các thuyền bằng sắt, rồi do tầu thủy kèm về Quảng-yên phân chất. Thơ Chợ-Điền cũng do chuyến 9 giờ đưa vào Đầm Hồng, đã có phu chạm chuyển đi Chiêm h a, để ô-tô tải về Tuyên-quang-Hà-nội. Công-ty mỏ kẽm Chợ-Điền mua than đá của mỏ than Tuyên-quang để chạy các động-cơ. Than theo đường thủy đưa đến bến Đầm-Hồng, rồi xe hỏa tải về Chợ-Điền. Từ Đầm-Hồng mỗi ngày có hai chuyến xe hỏa chở than về Chợ Điền 10 giờ sáng và 1 giờ rưỡi trưa. Chuyến 1 giờ rưỡi mang thơ từ Chiêm hóa gửi vào Chợ Điền.

Ngoài ra đường hỏa xa này lại còn là một cơ đường vận tải thực phẩm và các hàng hóa cần dùng cho các nhân công của mỏ. Xe hỏa có mấy toa không mui, lộ thiên. Những người nhà các người làm mỏ hay các nhà thương mại ở Chợ Điền có giấy phép của sở đều được lên ngồi trong các toa xe ấy với hành lý hay hàng hóa không mất tiền.

Cái công dụng của con đường xe hỏa dài 37 cây số này không phải là nhỏ vậy !

Chúng tôi ngồi lory yên chỗ rồi, tầu kéo còi bắt đầu từ từ chạy. Ngồi trên xe trông xuống dưới bến, thuyền bè sau sát, ngoài các thuyền bằng sắt của sở dùng tải kẽm, còn biết bao nhiêu thuyền mành to dùng vào việc thông thương hoặc từ Việt trì, từ Tuyên quang hay từ Chiêm hóa ngược lên. Các nhân viên sở mỏ cũng phải dùng thuyền xuôi tới Chiêm hóa, hay tới Tuyên quang, để đáp ô tô về Hà-nội.

Ngoài mấy dãy nhà lợp kẽm của gà xe hỏa lại có bungalow để khách bộ hành tạm trú hoặc ngủ đêm trong khi xe hỏa về Chợ Điền hay chờ thuyền về xuôi.

Trên bờ sông, có một ngôi đền đồ - sộ gọi là đền Đầm - Hồng.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Bia Văn - miếu

tiếp theo trang 9

Thủy-ái, hai năm sửu dần trăm giống thóc được mùa, đạo làm vua, tiết làm tôi, ngồi trong Pháp-cung là cung của vua, tưởng tượng người anh hiền, điềm - lạ, vịnh đùa sau khi thảo xong bộ sách, văn-nhân, hoa mai, tiễn quan chánh sứ là Hiệu-thư Đàm-văn-Lễ viếng Quang-thục hoàng-thái-hậu, viếng Thánh-tông Thuần hoàng-đế tức Lê-Thánh-tôn. 1460 1497.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

---

1. Đăng khoa lục, quyển 1, tờ 16a, chép ông Thân-nhân-Trung « làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, chưởng Hàn-lâm-viện, kiêm Đông-các đại học - sĩ, nhập-nội phụ-chính, công Đỗ-Nhuận vào chầu vua học ».

Sử học luận đàn

Chúa Nguyễn-Ánh có chạy thầu

CÔN-LÔN KHÔNG ?

LÊ THỌ-XUÂN

ĐỌC bức thơ chất - chính của ông Dương-Kỳ đăng trong Tri-Tân số 56, tôi vội vã viết bài này để góp một vài ý-kiến. Tôi vội vã vì sự nhã-nhặn của Dương-quân thúc giục tôi.

Trước hết tôi xin nói về hai chữ « Côn lôn ». Dương-quân ngờ hai chữ Côn-lôn đây là Koh-Rong vì chữ hán không có chữ R nên hễ gặp chữ R thì đọc và viết ra L như Phan-lang, Phan-lý.

Đúng như thế, nhưng đây lại ở vào một trường-hợp khác. Về Koh-Rong, sách địa-dư chữ hán của ta viết rành-rành là Cổ-lôn (chữ *Lôn* có chữ *Sơn* ở trên như chữ Côn-lôn). Sau đảo này, còn có Koh - Kong và Koh - Kut mà sách ta chép là Cô-công và Cổ-cốt.

Chỉ về đảo Koh - Rong, « *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine* », trang 277, ông Aubaret chép « L'île de Cô-lon ».

Còn « *Nam-kỳ địa-dư-chí* » bằng chữ hán, trang 48 », Duy-minh-thị (1) chép « Cô-lôn-dự tại hải đông - nam chu tam thập lý », (Đảo Cổ-lôn Koh-Rong) tại đông nam biển Vũng - Thơm Hương - uc, Kompongthom (giáp vòng ba cục - dậm).

Mà chữ « Cổ-lôn », cụ Trương-Vĩnh-Ký đáo đọc là « Cô-sơn » trong « *Dư-đồ thuyết lược* », trang 49.

Trong cả ba thứ sách này đã chép Cô - lôn rõ như thế lại có chép đảo Côn-lôn riêng ở chỗ khác một cách kỹ-lưỡng.

Vậy nếu là Koh-Rong thì đã phải chép « Cổ-lôn », chớ không chép Côn-lôn được. Mà muốn nghi thợ khắc khắc lầm thì cũng không được vì một-đoạn ấy trong « *Thực-lục đệ nhứt kỷ* », quyển 2 chép hẳn hòi rằng Xiêm-tướng là Vĩnh-ly-ma ở tại đảo Cổ-long (Koh-Rong) đến xin quy-phục.

Và trong « *Liệt-truyện* » sơ tập, quyển 28, trang 9b, cũng viết rõ ba chữ Cổ-long đảo.

∴

Dương-quân lại nghĩ rằng Côn-lôn (Côn-nôn) khi bấy giờ thuộc về hải-phận của Tây-sơn, chúa Nguyễn-Ánh không lẽ dám đi sâu vào hải-phận bên địch như thế.

Nghĩ như thế rất phải nhưng ta nên nhớ rằng bấy giờ hẳn chúa Nguyễn - Ánh sợ đi ngoài khơi trống-trải, địch-quân dễ thấy, vả lại thuyền của ngài dùng không phải là thuyền lớn để đi biển (sau qua Xiêm ngài mới dạy bọn Võ Di-Nguy đóng thuyền lớn), nên ngài hoặc đi hoặc về đều theo lòng sông lòng rạch : từ Mỹ - tho đến Sa - đéc, băng qua Hậu giang, vào sông Cần thơ hay sông Đại - ngãi rồi ra vịnh Tiêm la.

Tướng Tây-sơn cũng biết vậy, nên cứ giữ mấy cửa sông, còn đại bản doanh thì đóng tại Sài-gòn.

Thế thì đến Côn - lôn không phải là đi sâu vào hải phận của địch quân nhuệ khí đương mãnh liệt

Chắc chắn là lúc ấy đường biển êm hơn đường sông, nên sau khi bị Trương Văn-Đa đánh thua bái-xái ở Côn lôn, ngài chạy đến Cổ cốt, rồi cũng trong một tháng bảy ấy ngài dám đến Ma - ly hải khẩu dò xem tình thế Tây-sơn. Ở đây, ngài bị bên địch rượt đến ghé khó người khát.

Mà Ma-ly là đâu ? — Ma-ly giang là sông Phan chỗ ga xe lửa Sông Phan chảy ngang hai thôn Hiệp-nghĩa và Phong-điền rồi xuống thôn Tam tân mà đổ ra biển. Nó thuộc huyện Hàm tân, tỉnh Bình-thuận.

Nói chuyện mãi về địa - dư và sử ký e khô - khan quá, vậy xin mời bạn đọc rung đùi ngâm hai câu thơ này của tùng - thần chúa Nguyễn vịnh Ma-ly hải-khẩu lúc hộ-giá đến đây sau khi khắc phục đất Đồng-nai :

« *Phong tạp sơn gên truyền phao hướng,*
« *Triều phiên hải giác trợ bề thanh.*

Dương-quân lại nói ở đảo Côn-lôn có hòn núi Chúa và ngờ rằng có lẽ sau khi khắc - phục hẳn đất Gia-định, trong những lúc đem thủy-quân đi đánh Tây sơn, chúa đã vì một cớ gì mà ghé đến Côn-lôn chăng ?

Tôi tưởng Dương - quân không nên ngờ như thế vì nhìn lên địa-đồ rồi ta xét rằng chúa Nguyễn-Ánh mấy phen từ Bình-dương-đồn (tại Thị-Nghè, Bến Nghé) ra đánh phá hay cứu - viện Diên - khánh, Qui-nhơn, ngài không thể ghé Côn-lôn đảo được, vì đã không tiện đường mà cũng không phải chỗ đến để lấy thêm quân-nhu hoặc nghỉ-ngơi binh-lính.

Đến chỗ quân Tây-sơn vây đảo Côn-lôn đến ba vòng, Dương-quân cho là việc làm rất khó-khăn mà chưa chắc đã làm được ở Côn-lôn vì đảo nầy to-lớn. Lý này rất cứng.

Tuy vậy, ta thử hiểu thế nầy xem sao.

Nguyên-văn đoạn này như vầy

« *... Trương - văn - Đa tận suất thủy-binh vi chi tam táp, thế thậm cấp...* »

Nhà văn ta và tàu hay mượn chữ sẵn của cổ-nhân, mà cổ - nhân đã viết « Vi Uyển thành tam táp » Thêm chữ *tam* ở đây phải chăng là có nghĩa « *đa số chi xưng* ». Nếu phải nghĩa nầy thì câu trên là « vây Uyển - thành nhiều vòng », ý nói làm cho kẻ bị vây phải vô cùng khốn - đốn.

Rồi các cụ Trương - Đăng-Quế, Võ - Xuân - Cẩn vì muốn cho những chữ « *tận suất* » và « *thế thậm cấp* » nổi lên, mượn đưa vào hai chữ « *tam táp* », ý nói Đa kéo rốc thủy - binh vây chúa Nguyễn rất chặt-chịa, khiến ngài phải vô-cùng khốn-đốn? chứ không phải vây tới « mũi kim qua chẳng lọt ».

∴

Tôi nhớ trước đây rất lâu, trong một bài báo hay trong một quyển sách nào, tác-giả cũng có đặt một dấu hỏi như Dương-quân.

Vậy, tóm lại, nếu là đảo Koh-Rong thì sử đã chép là Cổ-long như tôi đã nói trên.

Và chắc - chân là chúa Nguyễn-Ánh dẫu bị thất trận ở Phú-quốc, vẫn đến được Côn-lôn đảo một cách bình-yên, vì liền sau khi ở Côn-lôn đến Phú-quốc, ngài lại từ Phú-quốc đến Ma-ly. Lần nào ngài cũng không bị chận đánh giữa đường là nhờ thuở ấy chỉ có đường

Xem tiếp trang 16

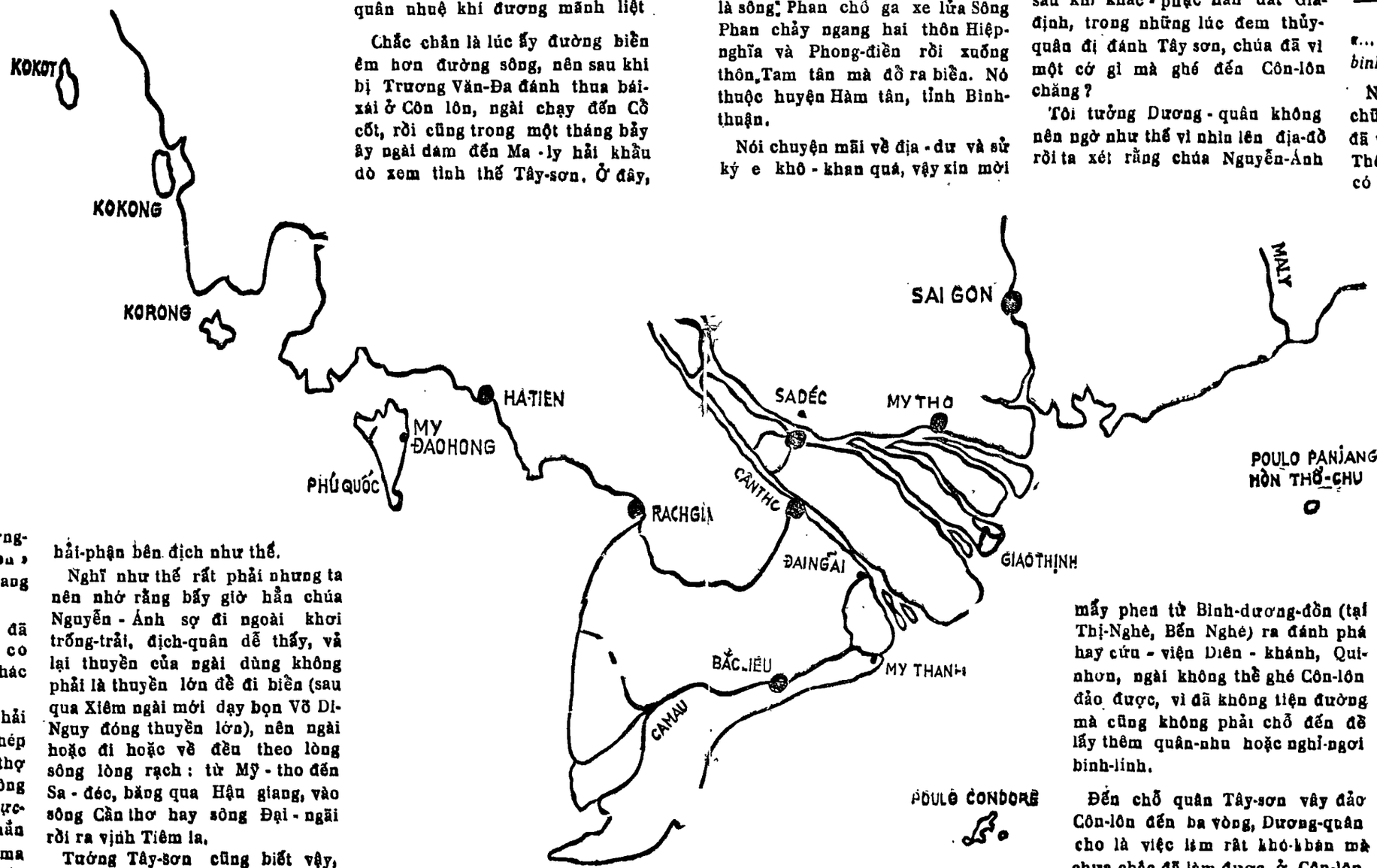

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giả gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Đề cho :

M. le Directeur de la revue Tri-Tân Hanoi

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 38

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXVIII

Văn con rể tế mẹ vợ (1)

THAN rằng : *Mây tối âm sầm núi Dĩ, đau lòng thốn - tử biết nhường bao ! Gió lay phảng-phất cành Ngô, thiết chữ mộc-phong sao thế nhỉ ? Chạnh niềm sinh-dục nỗi cơn sầu, cảm đức cù-lao sa giọt lệ.*

Từ thuở loan hoàng gióng cánh, cồ chung êm một dịp xướng tùy ; tới khi xà-hẳy lần tin, lộng-ngõa trải bốn hàng lớn bé. Trướng xuân phong rập rã sắt chen cầm, thềm hoa ngạt-ngào lan sánh huệ. Chu-du trải khắp chốn nan-quan, thong thả ra vô đường sơn-thủy. Chốn mai đào vun quén, đức tài-bồi xem cháu cũng như con, nơi phần tử xum - vầy, tình ân-ái từ đâu mà đến rề.

Tưởng công-lao cứ thế mới là, thì cõi thọ Hoàng-thiên cũng nghĩ. Sáu tuần thêm có lẻ, ước lộc Huyên kia mái bắc thêm tươi ; tháng chạp ngày mười tư, bỗng bóng tang nọ non đoài gấp xế.

Thôi thôi, người về kim cổ trước gió ngọn đèn, bóng lần quang âm ngoài song hơi ký. Cực lòng nhân tử biết nhường bao, ngán nỗi hóa sinh bao xiết kể ! Âm dung vãng-vẳng, đi đâu mà nhâu cảnh xa xa; sự tích rành-rành, sao nỡ để phàm trần lẻ-tẻ ? Xót-xa nhẽ cù - lao là đức trọng, sương sầu thân hoa tuôn nước mắt, lúc du tiên ở chốn công môn ; đau dạ thay cốt nhục ấy tình thâm, nắng thảm dồn đá đồ mồ hôi, khi tạ thế lảng nơi khách-địa.

Dở đường kim tích bao cùng, kể chuyện tâm đầu sao thế ? Trải đôi kỳ hương lửng cung quế, muộn màng chưa thỏa đức Thông-Huyên ; ngoài sáu tuần bóng ngả cành dâu, bâng khuâng luống đau lòng đường lệ. Biện bạch chi thảm thiết đàn con, kinh thành thế gọi đền công mẹ. Việc tang tế nhân tuần kia tiết nọ, ít nhiều cho hả chốn u-minh ; đạo cương-thường thì anh trước em sau, bảo đáp gọi là trong lễ nghĩa.

Hay nhân vừa tiết đông-thiên, tạm bày bạc-lễ. Đền ơn đủ bốn, ngoại cũng như nội, dãi niềm đơn cho tỏ đạo Đông-sàng ; tháng quá mười năm, ngày ấy là giờ, bay lễ bạc xin đền ơn Thái-thủy.

(Trích ở quyển *Lệ ngữ văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 166, tờ 25b-26b.)

CXXIX

Câu lậu danh-thắng

Cát thừa bụi đất đỏ cao,
Rừng chùa một viện, dựa vào nền sau.

(Trích ở quyển *Phong cảnh biệt chí*, sách viết bằng chữ nho và chữ nôm của Trường Bác-cổ, tờ 15a.)

CXXX

Hương - hải am cảnh trí

Chè Lan nhờ chốn non sâu,
Một đường lên núi mới hầu sửa sang.
Trăng soi đất rộng rõ-ràng,
Động xưa sớm đã nhiều đường biết thu.
Chim về sóng ngủ hay ru ?
Ngọn cây cá lặn ngao du chưa là ?

(Trích ở *Phong cảnh biệt - chí*, tờ 5b.)

CXXXI

Vịnh ngự-lâu thi

Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709

Lẻ-tẻ tư bề vặc-vặc thanh,
Nơi nơi mới mới ảng tôn vinh.
Đùn - đùn đống vũ từng từng thẳm,
Than thán giai đình rộng rộng thênh.
Cồn-cộn doành quyên trào thảy thảy,
Chan chan bãi nhạn đấu rành rành.
Đường-đường chỉnh chỉnh khi đồ mở,
Nức nức nhơn nhơn hiệu lệnh hành.

(Trích ở quyển *Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 544 tờ 30b.)

CXXXII

Vịnh tân - lâu diệu - hải thi

(*Thơ của Trịnh Căn*)

Xâm nghiêm vòi vọi khác tầm thường,
Thế nước thanh bình cũng một nhường.
Biền tỷ ơn nhiều lòng rộng rãi,
Nạp tàng dung khắp lượng mênh mang.
Hương lừng bệ ngọc mùi đưa nức,
Nguyệt dãi doành quyên sắc tỏ tường,
Đột ngột giữa giời ngôi chấn trọng,
Tóm thu sơn thủy đố ai đương ?

(Trích ở quyển *Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh*,, tờ 31a.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ
biên tạp

---

1) Những bài đăng trên kia chưa thấy ai in ra quốc-ngữ. Bài trích trong *Phong cảnh biệt chí* là bài dịch chữ Hán, nguyên văn như sau này :

Sơn tây trấn phong cảnh : Câu lậu danh thắng, thuộc Thạch-thất huyện ; Cát-hồng vi Giao-chỉ lệnh, luyện đan vu thử (Cát-Hồng làm quan lệnh Giao-chỉ, nấu thuốc đan ở đấy).

Cát lệnh dư sa đôi xích-nhưỡng,
Phạm lâm cô viện ỷ u hoàng.

Hương-hải am cảnh trí (thuộc An-sơn huyện, Phật-tích sơn).

Lan đình ỷ nham u,
Lâm sơn nhất kính tu.
Địa khoan tiên đắc nguyệt,
Động cổ tảo tri thu.
Điểu khước ba gian tác,
Ngư phiêu mộc mạc du.

Chuyện thơ

Một tình phụ, một hồn thơ

SONG-CỐI

«... Thu xưa, pháo đỏ, rượu nồng.
Thu nay, vỡ trái tim hồng, than ôi!
Thu xưa, giăng sáng đầy trời,
Ai cùng ta biết bao lời yêu - đương.
Thu nay, trăng sáng đầy giường,
Mà cùng giăng ấy ta vương tơ sầu!... »

Đó là mấy câu ở phần đầu bài « *Lỡ-làng* » của Tuệ-Khanh sau khi nàng mang vết thương lòng vì không may gặp phải cảnh chồng phụ bạc!

Nàng vốn không phải là một nữ thi-sĩ, nhưng có một tâm-hồn thơ rất dồi-dào. Những câu thơ tôi đã trích và sẽ trích ra đây, xin cam đoan là đúng nguyên-văn trăm phần trăm của một phôi-thai tài - nghệ.

Sinh trưởng trong một gia-đình thi-lễ, nàng sống theo nề-nếp trong bầu không-khí thuần-túy đông-phương.

Từ hồi còn đề trái đào, nàng đã bồ côi mẹ. Nàng, vì cảnh-ngộ rèn-luyện, dần - dần trở nên một tay chèo chở gia - đình với một chức-nghiệp tự lập.

Năm ngoái, có lời mối - lái, có mệnh-lệnh cha, nàng kết-duyên với một nhà tòng-sự.

Trông về tiền-đồ xa-khơi, nàng chứa - chan hi - vọng, hi-vọng cùng chồng hát khúc « hòa-minh », dắt nhau vào vườn Ê-đen, vui hưởng bông thơm, trái ngọt. Cho nên, từ nguồn hi vọng ấy, nàng đã thốt ra những câu tâm-sự đầy thơ mộng:

« Thu xưa, giăng xế ngang đầu,
Cùng ai vui - vẻ kéo cầu sang ngang... »

Và

« Thu xưa, cúc nở đầy vườn,
Cùng ai xây giấc mộng vàng trăm năm... »

Nàng thật lòng tin chồng, tin vì tình yêu thương ban đầu của chồng quá nồng nàn, tin vì những lời hứa hẹn của chồng quá khôn-khéo:

« Cùng nhau đón lấy xuân tươi,
Cùng nhau hưởng lấy cuộc đời vinh - hoa.
Tình kia nguyện sẽ không già,
Đời anh chỉ có em là tri - âm... »

Nhưng có ngờ đâu, phải, có ngờ đâu, cuộc nhân duyên của nàng chỉ là một giấc mộng, mộng « bạc » chứ không phải mộng « vàng ».

Sau tuần trăng mật mấy tháng, chồng nàng đã vội đi theo tiếng gọi của thần Vệ nữ, gieo vào tâm trí nàng những nỗi âu thầm héo hắt, lạnh lẽo tiêu điều!...

Ngày lại ngày, nay lại mai, nàng lần chuỗi thì giờ buồn tênh bằng mấy vần thơ oán duyên, trách phận:

« Duyên kia chàng dứt tơ đào,
Cùng ai chàng đã ước ao hẹn hò...
Đọa đầy thân thiếp lẽ bồ,
Thân yêu bỗng đổi oán thù từ nay!
Một mình riêng những đắng cay,
Ra vào thơ - thần tháng ngày chờ mong...
Thuyền sầu, bể hận mênh mông,
Con thuyền mất lái, lo không đến bờ!
Nổi trôi trên nước đợi chờ,
Trách ai bỏ mặc hững hờ thuyền trôi!
Rợn - ràng sóng vỗ ngang giời,
Con thuyền mất lái ra khơi một mình!
Treo - leo kìa mỏm đá xanh,
Thuyền ai cặp bến, riêng mình trơ - vơ!
Trên ngươi chi mấy giăng già:
Se con chỉ thắm mà ra tơ mành!
Một mình với bóng trăng thanh,
Căm con Tạo những đành - hanh cợt người!... »

Rồi những lúc gió rít bên song the, mưa sầm-sập tẻ tát dãy cây liễu, nàng vò võ chiếc bóng, giật mình trước cảnh giông-tố của vũ-trụ, lại trạnh cảm đến cảnh giông-tố trong đời mình, nên mượn mấy câu sau này để mô - tả những nỗi đau đớn âm-ỷ dưới ngòi bút trữ tình rất phong-phú:

« Vời trông xa tít chân giời:
Bốn phương mây nước, ai người đồng tâm?
Mưa gào gió thét ầm - ầm,
Sấm vang, sóng vỗ, âm thầm đau thương!»

Với trí tưởng - tượng rất giàu, nàng buông hồn thơ ra chỗ mênh-mông man-mác, tả vẽ quãng đời chông gai cay - đắng của mình bằng những câu đầy màu sắc và khéo hình - dung:

« Bình - bồng theo giải nước xanh,
Thuyền trôi theo sóng lênh-đênh không bờ.
Màn chiều sương đã phủ mờ,
Ngư ông cất lưới bên bờ quạnh - hiu.
Mây bay, gió cuốn rập - rìu,
Đôi chim vỗ cánh bên đèo xa xa..
Trạnh niềm tưởng đến tình ta:
Kìa ai xây đắp mộng hoa tưng - bừng!
Ai đương vui chén rượu nồng,
Để hồn ta phải đặt vòng hoa tang!»

Thế nhưng nàng định đối phó ra sao, với những thủ-đoạn ngược đãi của chồng và những hành động khiêu khích của tình địch?

Đến đây, người ta nhận thấy lòng nàng đã « nhuyễn hóa » không còn đủ sức chống lại với cảnh ngộ ngang ngửa éo-le! Nàng không còn biết ăn làm sao, nói làm sao, ngoài cách sống bằng lối chịu đựng và nhẫn - nhục của phái phụ - nữ thuần túy đông-á:

« Im lìm đành chịu lỡ làng,
Mặc ai vui cuộc hưu-hoàng trăm năm!»

Và

« Lòng nào còn tưởng sang ngang,
Trời giông bão giữa tràng - giang cũng đành!»

Với một thi tài chớm nở, nàng tả những nét sầu khổ trong những mẩu đời sống gượng ở nhà chồng lên trên bức tranh bằng thơ rất linh-động :

« Hiu - hiu gió thổi bên nguồn ;
Nước khe róc rách, dịp đờn mê-ly !
Bâng khuâng ôm mối sầu bi,
Giăng chênh chếch bóng đêm khuya lạnh - lùng !
Xa đâu khúc hát mơ mỏng,
Nhặt khoan riêng để xui lòng vấn-vương ! »

Nhưng sự nhịn chịu của người ta bao giờ cũng có giới hạn. Nàng không thể khoanh tay ngồi nhìn mãi những cái khinh-khi rẻ-rúng của người chồng bạc tình cứ hằng ngày dồn-dập xô đến.

Nàng rũ áo ra về bỏ lại đằng sau những tình giả dối của thói đời đen bạc. Nàng định sẽ hăng - hái đi trên con đường lý-tưởng, không muốn ngảnh lại nhìn ngó làm chi những cái nhỏ nhen trong cõi Sa-bà :

« Xuôi giòng nước chẳng liên - miên,
Theo thuyền thoát tục, vượt lên bến Từ :
Sắc không hơi chữ hư-vô ;
Tình đời giả - dối phó cho mặc giời.
Thời gian sau sẽ giả nhời.
Còn ta ta nguyện thoát nơi bụi hồng.
Oán sầu quyết rũ sạch không,
Lâng lâng thân đã ngồi trong sen vàng. »

SONG-CỐI

Chúa Nguyễn-Ánh

Tiếp theo trang 13

thủy là đi được, Tây-sơn muốn thông tin tức cho nhau phải đi bằng ghe, nên không sao đón kịp.

Một bằng-cớ chắc-chắn hơn nữa là ta vịn theo lời của' An-toàn-hầu Trịnh-Hoài-Đức, người về với chúa Nguyễn-Ánh từ khi ngài còn ở tại Gia-định.

Dầu có khác đôi chút, nhưng ta nhờ đó mà chắc rằng lúc bấy giờ chúa Nguyễn-Ánh có đến Côn-lôn-đảo.

Trong « *Gia - định - thành thông-chí* » (2), về đoạn nầy, An-toàn-hầu chép khá dài; đây tôi xin lược dịch :

« Tháng sáu.— Vua lại ra vũng Đá-chồng Phú-quốc. Bị Tây - sơn đánh phá. Vua chạy đến đảo Côn-lôn. Lại bị bọn trinh-thám của Tây-sơn dò biết.

«Tháng bảy. Vua đến đóng tại chỗ rạch Eo-lói chảy ra sông Băng-cung thuộc làng Giao-thạnh, tổng Minh-trị, tỉnh Bến-tre ngày nay. Ngày 12, chiến-thuyền Tây-sơn kéo đến la-liệt vây đánh, thế rất nguy bức. Bỗng bão-tố làm cho thuyền địch-quân chìm không biết bao nhiêu. Thuyền vua xô hai buồm nhằm đông - bắc mà chạy. Vừa ngang Ma - ly hải - cảng lại bị quân Tây-sơn ở đến đón nhưng không dám phạm...»

Thế là ta chắc rằng chúa Nguyễn-Ánh có đến đảo Côn-lôn hồi tháng sáu năm Quý-mão (1783) và đóng quân tại núi Chúa chớ không còn nghi-ngờ chi nữa.

LÊ-THỌ-XUÂN

Một kỳ sau, Tri-Tân sẽ đăng bài của *bạn Long-Điền tỏ kiến-giải đối với vấn-đề này.* Xin các bạn đón coi.

1. Duy minh thi là hiệu của một bực đàn anh ở Nam kỳ về sự học « địa dư sử ký ». Ông là người ở Xóm dầu phộng Phụng du lý tức là Xóm dầu Chợ lớn ngày nay thuộc Gia-định thành nhưng chúng tôi không được biết rõ về ông, mong trong ban đọc có vị nào biết vui lòng chỉ cho.

2. Quyển sách này của tôi chép tay nên không thể nói số trang được.

Sách mới

Tri-Tân tiếp được và xin giới-thiệu :

1) *Paroles du Maréchal* quyển thứ ba.

2) *Thằng Phượng*, tiểu thuyết giáo-dục của Nguyễn đức-Quỳnh do Hàn-Thuyên xuất bản. Sách in đẹp, bìa mỹ-thuật, dầy 215 trang, giá 1 p. 50

3) *Việt-Nam dược-học* tập thứ tư của Phó đức-Thành. Sách dầy 116 trang, giá 0 p 80

4) *Nguyễn-trường-Tộ* in lần thứ hai của Từ-Ngọc, Nguyễn-Lân. Sách dầy 149 trang, giá 1 p. 20

Hai quyển này đều do Mai-Lĩnh xuất-bản.

5) *Tiền và thương-mại* của Đặng-ngọc - Anh. Sách dầy 244 trang, giá 2 p. 00

6) *Chiến-thuật con buôn* của Mai-văn-Ninh và Đặng ngọc-Anh. Sách dầy 211 trang, giá 2 p. 00

Hai quyển này đều do nhà A. Sau Nam ký xuất-bản.

7) *Ghen*, kịch của Đoàn-phú-Tứ do nhà Nguyễn-Du xuất-bản.

Sách in bằng giấy bản, dầy 125 trang. giá 0 p. 80

Xin cảm ơn các tác giả và các nhà xuất-bản.

Hộp thư

Ô. Huệ-Thắng, Cần-thơ. — Mới nhận được bài « L. L. V. T. T. C. Đ. : », chứ chưa tiếp được hai bài T. T. T. H. T. V. T. T. X M. và bài T. T. H. L. N. L. H. N. như ông đã nói trong thư ngày 18-8-42

Ô. Trác yên-Sơn, Hải-phòng. — Mấy bài thơ « Vân tiêu » và « Đồn-sơn », sẽ đăng. Xin cứ gửi tiếp những bài ông nói. T. T. không đăng t. t. trừ ra những bài có giá-trị về nghệ-thuật.

Đón xem kỳ sau :

Giải-thích về thể thơ tượng-trưng HOA-BẰNG viết

Ai muốn viết thư trao đổi ý-kiến về các vấn đề tinh - thần xin gửi đến

M. Tứ - Hải

▼

Boite Postale N° 74, Saigon

Nam-đàn bát-châu tục-thảo

Số 3

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

V

Dịch thơ Trấn-vũ quán

NGUYÊN HÁN-TỰ

Tích du vô kế phục đăng lâu,
Khước ỷ lan-can vọng bích-lưu.
Quân diệc đa-tình đáo yên-thủy,
Ngã do di-hận mãn đình-châu.
Nhật tà thiên địa song bồng mấn ;
Xuân tỉnh giang hồ nhất bạch âu.
Dao tưởng đương niên hành lạc xứ :
Tàn mai do tự cố-cung đầu.

DỊCH QUỐC-ÂM

Cuộc chơi tiếc, lại lên lầu mà đứng,
Tựa lan-can, trông thẳng bích-lưu :
Kia yên-thủy, nọ đình-châu,
Chữ tình chung khách, chữ sầu riêng ta !
Bầu trời đất, bóng tà, làn tóc rối ;
Thú hồ sông, xuân tỉnh, cái âu nhàn.
Thái-bình tưởng cuộc du-quan,
Ai về thăm gốc mai tàn cố-cung ?

CHÚ-THÍCH

Cuộc chơi tiếc : tiếc là tham-tiếc, cho cuộc đăng-lâm là trân-trọng mà tham-tiếc.

Lan-can : bức câu lơn.

Bích-lưu : Giòng nước biếc.

Yên thủy, đình-châu : khói nước và bến cồn ; nói cảnh-trạng hồ sông. « Yên » là một thứ khí sắc nhuần đẹp, bao-phủ cảnh-vật của tạo-hóa, thường có một tuyến thẳng, hoặc đứt hoặc liền, tựa khói không phải khói, tựa mưa không phải mưa, tựa sa mù không phải sa mù, thường phát hiện về mùa xuân, hoặc mùa thu. Chữ « yên » có rất nhiều tài-liệu cần-thiết trong cổi thơ, như là : cảnh núi thì *yên-hà, yên-vụ, yên-lam* ; cảnh nước thì *yên-ba, yên-thủy* ; tạp-cảnh thì *phong-yên, vân-yên, yên-hoa, yên-liễu, yên-quang, yên-cảnh*. Lại như *yên-trần* là cảnh loạn-lạc tai-nạn ; *yên-hỏa* là cảnh dân-gian sinh-hoạt v. v.. (Thi gia gặp chữ « yên », nếu nhất-thiết dịch là khói, e chưa thỏa-đáng. Lại Quốc-ngữ, chữ « yên » thường in lầm là chữ « yêu » ; thi-gia nên đặc-biệt chú ý).

Làn tóc rối : nói trải cuộc phong-trần.

Cái âu nhàn : « Âu » là một loài chim tiêu-dao sinh-hoạt ở dưới nước, mà thi-gia thường hay dùng đến : sắc trắng, chân cao, mỏ dài, tính-tình nhàn-thích, tuy biết bay, nhưng không bay cao, chỉ hoặc bay hoặc lội ở mặt nước, thường gọi là *nhàn âu*. Ở sông ở hồ thì gọi là *thủy âu* ; ở bể thì gọi là *hải âu*. Thường sinh-hoạt ở chỗ rộng và vắng, có tính xa người, là xa những người có tâm độc ác, lại có tính thân người, là thân những người cao-thượng quên danh lợi. « Hải-ông vong kỷ, âu-điểu qui phi ; Hải ông dịch-lợi, âu-điểu phi-khứ». *Vong kỷ* là quên sự nham-hiểm ; *dịch lợi* là đổi lòng nhân-thiện. Chuyện «Hải-âu» xem ở *Liệt-tử*.

Câu ngũ lục là than mình quanh-quẩn trên đường danh-lợi, đem làn tóc rối phơi-giãi trong bầu trời đất, về buổi bóng tà, không bằng con âu kia tự-nhàn tự-thích mà hưởng thụ cái thú hồ sông về chi ều xuân tỉnh.

Câu thất bát là cảm tưởng cuộc hành lạc thịnh-mỹ thủa thái-bình ngày xưa, vô-hạn lâm-ly bồi-hồi.

VI

Truy-ức cuộc thi thủy-tiên đền Bạch-mã

(Thơ soạn)

Sân Bạch-mã, chẳng non Bồng, nước Nhược ;
Hội thủy tiên, mà Tiên quốc dễ đâu đây.
Giêng nhớ tháng, Rằm nhớ ngày :
Phẩm cành Ngọc-nữ, phẽ cây Kim-đồng,
Hỏi khách Tiên, Long ai giải nhất ?
Trổ thành Lê, Lý nhận nguồn Đào.
Phồn-hoa nhớ lắm, tưởng nhiều,
Thăng long thuật lại phong trào chơi tiên.

CHÚ-THÍCH

Truy-ức : sự đã trải-qua mà nhớ thuật lại.

Non Bồng, nước Nhược : Bồng-sơn, Nhược thủy, nói chỗ tiên ở.

Ngọc nữ Kim đồng : hai vị thiếu niên tiên, thường ở tả hữu đức Ngọc-hoàng. Hoa thủy-tiên vốn có danh là quốc sắc thiên-hương, ngọc bàn kim trản. Nay dùng hiệu Kim-đồng Ngọc nữ để chỉ vào hoa thủy tiên. Ngọc bàn kim trản là mâm ngọc chén vàng.

Nguồn Đào : cũng nói cảnh tiên. Truyện Kiều : « Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây ».

Nhắc lại lời cẩn bạch

Trong tập thi-thảo này, những chỗ *phụ-bàn, phụ-xét phụ-lục, phụ-thuyết*, cho đến những chỗ định-nghĩa nọ, định-nghĩa kia, hoặc nhân thích nghĩa một vài chữ mà bàn rộng ra có nhiều ý nghĩa thể phép v. v. đều là thuộc về thể tài thi thoại. Xin bạch rõ rằng : có chỗ đối với bản đề ý nghĩa nói chưa hết mà lập ngôn thêm, cũng có chỗ đối với thơ bản đề không can dự gì hết mà lập luận riêng. Xin lãm-giả hiểu cho lệ ấy. Lời cẩn-bạch này đã đăng ở Đông-Pháp báo. Trong tập Nam-đàn thi-thảo, gồm có cả thơ soạn và thơ dịch Đường, bài nào của tác giả tự soạn, xin cước-chú có hai chữ «thơ soạn», để phân-biệt với thơ dịch.

kỳ sau sẽ tiếp

Hà-đông, NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70 Bach mai Hanoi zône

Thời-đàm

ANH-MỸ VỚI VẤN-ĐỀ VẬN-TẢI

NHẬT-NHAM

HƠN 35 tháng nay, trên mặt bể, quanh vùng quần-đảo Anh cát-lợi, đã từng diễn những cuộc thủy chiến rùng rợn, khốc-liệt, liên-tiếp, đã chôn vùi dưới làn sóng bạc biết bao mạng người, đã đưa xuống đáy biển biết bao nguyên liệu, chiến cụ và hóa phẩm. Những sự phá hoại ấy còn vô cùng rùng-rợn, hơn những kết quả khốc - liệt của một trận trên lục-địa.

Cuộc thủy-chiến ấy là do sức hải quân và không quân của phe Trục hợp tác gây nên, mục đích giảm lực lượng bên địch, làm trở-lực cho việc vận tải tới Anh những thực phẩm và nguyên liệu cần cho sự sinh hoạt của dân chúng và cung cho nền kỹ nghệ chiến tranh. Ngoài ra còn phá hại những đoàn tầu Anh Mỹ đưa quân-sĩ và khí cụ tới các mặt trận.

Hiện nay, nước Anh cần phải dùng các nguyên liệu trong xứ và của Đế-quốc thuộc địa gửi đến để chế tạo các chiến cụ. Đa-số những nông-dân trước kia vẫn tận-tụy với nghiệp nông ngày nay đã đổi nghề làm trong các xưởng kỹ-nghệ. Chính phủ phải xuất tiền gửi đi các nước trên thế-giới để mua thực-phẩm cung cho bọn ấy là hạng người trước kia vẫn tự sản-xuất lấy để nuôi thân,

Vì ruộng đất thiếu người cầy cấy, nước Anh chỉ đủ sản - xuất cung cho 40 phần trăm dân số và phải nhập cảng không những đủ số thực phẩm thôi đâu mà cả nguyên liệu cần dùng cho nền kỹ nghệ chiến tranh. Cuộc chiến tranh càng bành-chướng, số binh sĩ càng tăng, số nông dân càng giảm, số nguyên liệu càng cần phải nhập cảng rất nhiều.

Vì vậy, việc vận tải là một vấn-đề rất cần thiết để Anh theo đuổi cuộc chiến tranh. Từ lâu Anh vẫn dùng các đại-dương làm đường vận tải liên lạc Anh với các nước bạn như Hoa-kỳ và các thuộc-quốc. Nếu sự giao dịch trên mặt bể một ngày kia đình-trệ nước Anh chẳng chóng thì chầy, sẽ phải đình chiến, sau khi tiêu thụ hết các nguyên-liệu đã tích trữ từ trước.

Ngoài ra, Anh còn chở quân - sĩ và chiến cụ tới các mặt trận hoặc đem quân sĩ các thuộc-quốc về chính-quốc.

Vì vậy, các nước phe Trục đã tốn công cùng sức tìm hết phương pháp để công phá các đoàn tầu vận tải của bên địch trên mặt đại dương.

Cái lợi khí thứ nhất trong cuộc tiễu-trừ ấy là tầu ngầm.

Sau cuộc Âu-chiến 1918, các nước Anh-Mỹ muốn giảm lực lượng của Đức, bèn ngăn cản không cho nước Đức chế tạo tầu ngầm. Mãi đến năm 1935, Đức mới bắt đầu tăng binh bị và sản xuất nhiều tầu ngầm. Theo hiệp ước hải quân Anh-Đức, Đức có thể tăng gấp số tầu ngầm để có một hạm đội ngang sức với Anh.

Lúc khởi chiến, Đức có 25 tầu ngầm trọng tải mỗi chiếc 250 tấn, 13 tầu ngầm trung bình trọng - tải 500 tấn, một chiếc và 5 chiến-thuyền to mỗi thứ 750 tấn.

Thế mà tới Janvier 1941 Đức đã có 180 chiếc tầu ngầm và, ngoài ra, lại thêm đội tầu ngầm. Ý nhiều nhất thế-giới cộng tác chặt chẽ.

Tầu ngầm Đức ngày nay rất tinh nhuệ, mà số sản-xuất bao giờ cũng qua số thiệt hại.

Trong cuộc Âu-chiến trước, tầu ngầm Đức chỉ dựa vào những căn-cứ của đảo Heligoland, rồi về sau, vào các quân cảng hai nước Áo và Hung trên bờ bể Adriatique là những nơi luôn bị địch-quân phong tỏa.

Ngày nay, nhờ chiến-lược và sự tổ chức có phương-pháp của binh-gia Đức, Đức có nhiều căn cứ cho tầu ngầm chạy suốt từ Na-uy đến biên-giới Tây-ban-nha, lại theo dọc miền duyên hải phía bắc Địa trung hải cho đến bể Egée.

Đức lại còn nhiều chiến hạm trên khắp mặt Đại-tây-dương và nhất là ở gần miền duyên-hải Hoa - kỳ, có đủ lực-lượng để tấn công luôn luôn vào thương-thuyền bên địch một cách mãnh liệt.

Ngoài ra, Đức có một đội không-quân thao luyện rất tinh - nhuệ chuyên môn đi công phá các bải thuyền bên địch. Đức tự sáng chế một kiểu thủy phi cơ bay rất nhanh, có thể khám phá được tầu địch từ đằng xa, rồi báo hiệu cho các phi cơ và tầu ngầm đến trợ lực, sau một thời gian rất ngắn.

Không quân đã lập được nhiều chiến công oanh liệt trên mặt bể Bắc hải, Manche và Đại-tây-dương, là nơi vãng lai của các tầu vận tải Anh Mỹ.

Nhiều phen, tầu ngầm Đức đã đánh đắm được nhiều tàu vận tải của Anh trong Địa trung hải. Sự thiệt hại ấy đã đưa Anh đến cuộc thất bại trên chiến tuyến Bắc phi. Ngày nay, Anh không thể dùng Địa trung hải làm con đường tắt để đưa lương thực, quân nhu, chiến cụ sang Bắc phi và Cận Đông. Các tầu vận tải Anh phải qua mũi Bonne Eopérance miền Nam - Phi là một con đường dài tới gấp năm lần đường Địa - trung-hải, chạy mất nhiều thì giờ. Như vậy sự trì-hoãn không lợi cho việc dụng binh, một khi đoàn vận tải tới chiến địa.

Lần lượt các tầu vận tải Anh-Mỹ bị ngư lôi của tầu ngầm Đức đưa xuống đáy biển !

Tính cho đến cuối Février 1942, tầu ngầm Đức đã phá hoại được 5 446 292 tấn tàu buôn Anh-Mỹ và

các hải thuyền của Anh dùng vào quân sự.

Ngoài ra, không quân Đức cũng làm cho Anh Mỹ thiệt hại 15.500 tấn tàu vận tải, cho tới cuối Février 1942.

Không kể các thương thuyền bị hại, tàu ngầm Đức còn đánh đắm nhiều chiến thuyền, nhiều hàng không mẫu hạm, nhiều tuần dương hạm, chiến đấu hạm, vân vân của Anh Mỹ.

Trước cuộc phá hoại của phe Trục, Anh Mỹ đứng vào một tình thế khó khăn.

Sự thiệt-hại trong việc vận-tải trên mặt bể và sự chậm-trễ trong việc đưa quân-nhu chiến-cụ đến các mặt trận, đã làm cho Anh-Mỹ chịu nhiều cuộc thất-bại và phải quan-tâm đến vấn-đề vận-tải. Sau khi cho chiến-hạm đi hộ-vệ thương-thuyền, Anh-Mỹ nghiên-cứu một cách vận-tải mau-chóng và đỡ hại hơn.

Gần đây, các giới Anh-Mỹ đều chú-ý đến sự tiện-lợi của nghề hàng-không trong việc vận-tải và tăng gấp sự sản-xuất số phi-cơ vận-tải. Một nhẽ đã làm cho Anh-Mỹ quyết-định dùng đường hàng-không và khuyếch-trương việc vận-tải bằng phi-cơ là sự mau chóng và ít nguy hiểm trong việc đem binh đi cứu-viện các nơi.

Các phi-cơ kiểu cũ đều đổi mới, được tăng thêm trọng-tải và tốc-lực để liên-lạc các mặt trận. Những phi-cơ vận-tải có thể tiếp-tế cho các đạo-quân bị vây hãm, xa nơi căn-cứ, không liên-lạc được với chỗ hành-doanh. Cái công-dụng của phi-cơ vận-tải còn có thể giúp quân-sĩ lưu-hành trên các mặt trận, thiếu đường giao-thông hoặc đường giao-thông hiểm-trở, đi lại khó khăn.

Không một ngày nào là tại các mặt trận không nhận được chiến-cụ do các phi-cơ vận-tải đưa đến.

Công-việc cứu-cấp tổ-chức trên các chiến-địa rất chu-đáo. Các binh-sĩ bị thương sau khi băng bó qua-loa đều được đặt lên các phi-cơ đem tới các nhà thuốc để cấp cứu. Thứ phi-cơ to có thể chở được 30 người bị thương, còn thứ nhỡ có thể chở được 6 nạn-nhân.

Phi-cơ có một công-dụng to-tát như thế, cho nên các giới quân-sự công-nhận cần phải có một đội hàng-không thực đông mới có thể nắm chắc cuộc toàn-thắng được. Một bản dự-án đã được thượng-hội-nghị Hoa-kỳ duyệt-y cho dùng phi-cơ khổng-lồ để tải quân-sĩ và chiến cụ đến các chiến-tuyến ở xa.

Theo tin chính-thức thì Chính phủ Hoa-kỳ đã định tăng rất nhiều số phi-cơ vận-tải. Không những thế, lại còn cho chế-tạo những phi-cơ oanh-tạc rất to, vì theo dư-luận Hoa-kỳ, cần phải tăng cuộc ném bom để tàn-phá các miền kỹ-nghệ của Đức thì Đồng-minh mới hi-vọng mau chóng thắng được.

Không những trong các giới quân-sự mà cả trong toàn thể dân-chúng đều đồng ý đem toàn lực mà chế tạo phi-cơ hợp thành một đội hàng-không mãnh liệt để đi tới cuộc toàn thắng. Vì theo ý họ, phi-cơ là một lợi khí mà kỹ nghệ giới Hoa-kỳ có thể sản xuất một số rất nhiều, với các nguyên liệu sẵn có.

Cuộc chiến tranh hiện thời là một cuộc chinh phục các đường giao-thông. Các cường quốc phe Trục đều thắng lợi, vì có những con đường vận tải vừa chắc chắn vừa nhanh chóng. Từ ngày Hoa kỳ dự chiến, các tàu ngầm Đức đã từng thắng nhiều trận trong Đại-tây-dương. Trong vòng tuần lễ từ 12 đến 19 Juillet 1942, Đồng-minh đã bị thiệt hại một phần to lực lượng mà từ ngày khởi chiến chưa bao giờ bị thiệt đến thế! Vì vậy, các giới Hoa-kỳ đều chú ý đến nhời tuyên bố của Đô-đốc Đức Fricka, Tư-lệnh hải-quân: « Nếu bên địch đóng thêm nhiều thương-thuyền, ta cũng sản-xuất thêm nhiều tàu ngầm để đánh đắm thương thuyền ấy, khiến bên địch không kịp chế tạo để bù vào số thiệt hại. Tôi quyết là có thể phá hoại hết lợi khí của địch quân và có thể đi tới cuộc toàn thắng được ».

Hoa-kỳ thấy Đức hết sức chế tạo tàu ngầm để công phá thương thuyền của Đồng-minh, nên càng ngày càng nghiên cứu kỹ vấn đề vận tải bằng phi cơ, để mong phá chương trình của Đức.

Hội nghị nghiên cứu về vấn đề vận tải bằng phi cơ đã làm xong tờ trình, yêu cầu số sản xuất phải tăng gấp bội và phi cơ phải có một trọng tải tới 70 tấn.

Bộ Tư lệnh đã xét lại tờ trình và cũng đồng ý với Hội nghị.

Hiện nay, bộ vận tải hàng không đã ký hợp đồng với tám công ty thương mại hàng không để vận tải quân sĩ và chiến cụ đến các mặt trận.

Tại Anh cũng đặt nhiều sở hàng không để tiếp tế cho các mặt trận. Ngoài ra, lại còn 6 sở vận tải chiến cụ từ Anh đi các nơi, và nhiều sở đặt tại các miền trên đất Anh để tải quân sĩ và chiến cụ đi cứu viện các mặt trận.

Hiện nay, tại các xưởng kỹ nghệ Hoa kỳ đương thực hành chương trình chế tạo phi cơ khổng lồ một cách triệt để. Một ngày không xa, nếu số sản xuất đủ cung cho việc vận tải quân nhu, chiến cụ đến các mặt trận, chắc cục diện thế giới sẽ chịu đôi phần ảnh hưởng.

Mặt trận thứ hai đã từng làm sôi nổi dư luận hoàn cầu — chưa thực hiện có nhẽ vì số phi cơ chưa có đủ để vận tải quân sĩ và chiến cụ chăng?

Mà có nhẽ cũng vì vấn đề vận tải chưa giải quyết xong để giúp Nga về mặt quân sự, nên có cuộc hội nghị Mạc tư khoa mới rồi để hai nhà chính khách Churchill và Staline hội kiến?

Vấn đề vận tải bằng phi cơ đã làm cho các nhà quân sự Anh Mỹ phải tốn biết bao tâm trí để đưa cuộc chiến tranh hiện đại đến các thời kỳ quyết liệt...

NHẬT-NHẠM

Tùy hứng

Ao-ước

Tôi ước đời như chiếc máy bay,
Oai hùng dương cánh cưỡi ngàn mây,
Ngang-tàng muôn dặm phăng-phăng tiến,
Gầm thét trời cao cũng chuyển lay !

Vũ-trụ là người yêu của tôi,
Bao nhiêu phong-cảnh, bấy nhiêu đời,
Hãy đốt lòng ta cho cháy lửa,
Hãy đốt lòng ta, Mộng Thắm khơi !

Tầm-tã trên đầu rơi tuyết sương,
Là người chiến-sĩ của Tang-thương.
Kiếm lòe như sét cơn cuồng vũ,
Mũi núi, tai rừng, mắt đại-dương !

Nguy-khổ, Đau-buồn đập phá chơi
Đời ta cho trí nẩy sao ngời,
Cho người nên đá, tim thành sắt,
Đứng giữa phong ba, miệng nhoẻn cười.

Đi mãi, lòng ta, đi lại đi !
Gió trời vang hét, nhạc ai bì ?
Sóng hòa muôn điệu ca hùng-tráng,
Mây hồng đẹp tợ má Tây-Thi.

... Đỡ một ngày kia trở lại nhà,
Mắt đầy diễm ảnh các trời xa,
Óc tràn kinh-nghiệm, cay mùi sống,
Rồi bước — an lòng — xuống cõi ma !...

TRẦN QUANG-VIÊN

Mù

Có đôi mắt nhìn đời lâu, mỏi quá
Cùng rủ nhau : « Bạn ạ, nghỉ đi thôi !
« Ta sáng sọi hơn ba chục năm rồi
« Mà sau trước cuộc đời âu cũng thế !

« Đã bao thuở ta tuôn đôi hàng lệ
« Khóc thế tình, sông núi vẫn trơ-trơ
« Đắm trong bùn, châu ngọc cũng phai mờ
« Thà nghỉ quách ! làm lơ cho rảnh xác ! »

Mắt nói vậy, rồi không cần bàn-bạc
Nhắm liền liền cho ánh sáng phải ghen
Và cho người quên những cảnh bon-chen,
Sống tĩnh-mịch với cuộc đời lý tưởng...

HẰNG-PHƯƠNG

Đêm hè

Cái nóng đâu mà nóng gớm ghê,
Canh khuya, biếng nhắp, buổi đêm hè.
Nền giời lóng lánh sao tinh-đẩu,
Trong tối tung bay, đóm lập loè.

Cảnh vắng, đêm thanh, để ý nghe :
Quanh mình, muỗi đói đến vo-ve.
Đầu giường, mọt nghiến kêu kèn-kẹt;
Tiếng cuốc cầm canh phía lũy tre.

Bên tường, nắc-nẻ lượn xè-xè,
Chuột chạy trên sà với các khe.
Ỳ-ọp, ngoài ao, vang tiếng ếch;
Gà đâu cất giọng kéc kè-kẹ !

VÂN-THẠCH

Vống thu mắc ánh trăng thu

Mịn, vàng, sợi sợi nhẹ buông tơ :
Lọc suốt lâng-lâng kẽ lá dừa.
Chấm đóm thấp cao tranh sáng tối.
Đồn sâu đứt nối nhịp mau thưa.
Rúc sương lanh-lảnh hồi cao giục.
Xủa nguyệt lao-xao tiếng vẳng đưa.
Thu-tứ biết ai nhiều với ít ?
Mắc trăng, vống dệt mộng và thơ...

SONG-CỐI
21-8-1942

Hy-vọng

Nhưng không !
Một tấm lòng :
Đợi xuân sang
Với bóng thiều quang ;
Cùng đá thi gan,
Mặt nước tràn.
Trong ngày nắng hạ
Có cơn gió chiều.
Trên làn sóng cả
Có cánh chim điêu.
Vào khoảng đêm trường
Sao mọc bốn phương.

MINH-TUYỀN (1)

1) Bài « chơi thuyền » của Minh-Tuyền đăng ở T. T. số 59, trang 7, cột 1, là lối *thơ hai chân* : cứ hai tiếng thì lại xuống giòng chứ không phải mỗi giòng bốn tiếng như đã đặt lầm.

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 5 Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
CHUỲ 錐 Đoàn-thị		Quảng-bình, Phong đăng	N	44	8b	
CHUYÊN 顓 Đặng-trần	niệu Mông-trai	Sơn-tây, An sơn	N	37	1b	
CHUYÊN 專 Huỳnh-đình		Hà-nội, Thanh trì	N	36	7b	
CHUYÊN 瑀 Phạm-gia		Hà-nội, Từ liêm	N	33	2a	
CHUNG 鐘 Huỳnh-ngọc		Thừa-thiên, Phong điền	N	41	3b	
CHUNG » Huỳnh-tú		không biết	S	26	10a	Lãnh Bình-khương Ký-lục, rồi bịnh chết, thờ tại Diên-khánh Tỉnh trung-từ
CHUNG » Nguyễn-đức		Thừa-thiên, Hương-trà	N	40	7b	
CHƯƠNG 廠 Tôn-thất	nhứt danh Điền	Huế	S	4	10a	
46						
D						
DẠNG 漾 Lê-như		Thanh-hóa Ngọc-sơn	N	36	2b	
DẠNG » Ngô		Hải-dương, Đường-an	N	26	14a	
DANH 名 Nguyễn-hữu		Quảng-nam, Duy-xuyên	T	4	26b	
DANH » Nguyễn-văn		Quảng-nghĩa, Bình-sơn	S	29	7b	
DẪN 引 Trương-công		Phước-kiến, Trung quốc	S	28	2b	
DẬT 佾 Nguyễn-cư		Thuận-hóa, Hương trà	T	5	11a	
DẬT 逸 Nguyễn-cửu	hựu danh Du	Thanh-hóa, Quí huyện	T	4	11b	
DẬT 鐵 Nguyễn-hữu		Thanh-hóa, Quí huyện	T	3	27a	
DÌ 貨 Lê-duy	tự Trọng cung	Quảng-bình, Minh chánh	N	33	9a	lại âm « Dần »
DI 怡 Nguyễn	tự Dục-Xuân	Nghệ-an, An thành	N	41	13b	
DỊ 異 Trần-tửu		Nghệ-an, Đông thành	N	37	22a	
DĨ 已 Nguyễn-ư	tự Vô-sự	Thanh-hóa	T	3	1b	
DĨ 已 Trương-tử		Thừa-thiên, Phong điền	N	40	7a	
DỊCH 譯 Tôn-thất		Huế	S	4	12b	
DIỄM 豔 Trịnh-văn		Thanh-hóa, Hoằng hóa	N	42	16a	
DIÊN 筵 Lê-đình	tự Cúc-linh	Hanoi, Thanh trì	N	37	8b	cũng đọc « Duyên »
DIÊN 沿 Mạc-tử		Hà-tiên	T	6	9a	
DIÊN 延 Nguyễn		không biết	T	4	24a	miếu thờ tại Mỹ-tho hải khẩu
DIÊN 梅 (?) Võ-bá		Quảng-yên, Vạn ninh	S	18	9b	
DIỄN 演 Huỳnh-văn		Thừa-thiên, Phú lộc	N	16	13b	
DIỄN » Nguyễn-thừa		Thừa-thiên, Hải lăng	S	19	4b	
DIỆP MẬU		Chơn-lạp nhân	S	28	4b	
DIỀU 瑤 Lê-đình	tự Bá-ngọc	Quảng-trị, Thuận-xương	N	37	26a	cũng đọc « Dao »
DIỀU » Nguyễn-đình	hiệu Nhẫn-trai	Hà-nội, Thanh-trì	N	33	2b	

(1) T. : Tiền - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 10 của CHU-THIÊN

TRẦN-LONG liền hỏi :

— Thầy đốc-đồng đã ở với nhà Nguyễn-Tân. Vậy đối với cái án bị hình của hắn, thầy nghĩ thế nào ?

Trần-Ngũ đáp :

— Dạ, thưa tướng-quân, hạ-chức cũng không rõ nguyên-do vì đâu mà có cái án ấy. Song thiền-nghĩ cha con ông ta cậy thế làm càn, hà-hiếp nhiều người, làm điêu-đứng trăm họ, tàn hại kẻ không tội, thì được chết như thế cũng là phúc lắm. Cái án như thế còn là nhẹ đấy. Đối với dân-gian, người ta còn mong băm thây xé thịt, bêu đầu giữa chợ mới hả dạ, bỡ với những lúc lầm than.

Liên-Tường cũng hỏi :

— Như vậy tướng-quân đối với nhà Nguyễn Tân có tiếc hoặc hối-hận gì không ?

—Thưa phu-nhân, lúc đầu, tưởng nhà họ không có những việc hống-hách quá-quắt, thì cũng hơi tiếc. Nhưng về sau, xét đến tội-ác của cha con nhà họ, và nghe lời oán-thán ở dân gian, cũng chả tiếc nữa, mà lại còn hối đã dúng tay vào giúp họ làm điều ác !

Trần-Long nghiêm nghị nói :

— Nếu quả như lời thầy nói tức là thầy đã cải tà quy chính được rồi. Thầy nên cẩn thận theo đúng phép vua luật nước mà trị kẻ gian, bênh người ngay, thì bản-quan sẽ hết sức tán dương thầy và suy cử cho thầy ngày một cao - thăng. Đường công-danh sự-nghiệp của thầy có thể nhẹ-nhàng nhanh-chóng lắm. Nhược bằng thầy cứ giữ thói cũ, ỷ quyền thế, làm lắm điều ngang trái, tàn dân, hại vật, thì bản-quan đây có đủ quyền-hành và lý luật buộc thầy vào tử-tội. Thầy nên biết rằng bản-quan ra làm quan không phải vì thân mình, vì ham công danh phú quý đâu, mà chính vì thiên-hạ trừ kẻ gian và cứu giúp lương-dân. Thầy nên nhớ lấy.

Trần - Ngũ sợ-hãi thưa :

— Thưa tướng-quân, hạ chức xin nhất nhất tuân theo lời tướng quân chỉ bảo. Hạ-chức đã chịu ơn phu-nhân tha sống, lại được tướng-quân che-chở, rèn-luyện và đề-bạt cho, thật là ơn đức cao nặng hơn cha mẹ sinh-thành ! Hạ-chức biết lấy gì báo đáp cho được ? Chỉ cúi xin theo lời dạy bảo, sửa đổi lại tính-nết để khỏi phụ tấm lòng quý-hóa của tướng-quân và phu-nhân.

Trần-Long cười nói :

— Nếu được như vậy, không những là lợi cho thầy, mà lại còn là phúc cho cả dân-gian trăm họ, và lợi cho nước nhà nữa. Thầy nên nghĩ kỹ. Và đừng để mang tiếng cho những người cùng đội chữ họ với thầy, như đức Hưng - Đạo Vương thủa trước và bản-quan ngày nay !

Trần - Ngũ run-sợ thưa :

— Bẩm tướng-quân, hạ-chức xin ghi nhớ mãi mãi những lời khuyên vàng ngọc ấy.

Hai người im cả. Liên-Tường sực nhớ ra một điều, lại hỏi :

— À, lúc nãy tướng-quân nói có theo đề-đốc Trịnh-Hồng lên Sơn-tây, phải không ?

Trần-Ngũ vội đáp :

— Thưa phu - nhân, vâng ạ !

— Sau ông ta lại về kinh ngay à ?

— Bẩm vâng. Không biết ông ta phải tội gì mà bị gọi về kinh đánh một trăm côn, và cách hết quan phẩm, trụt xuống làm thường-dân !

— Sao vậy ?

— Thưa phu-nhân và tướng-quân, hạ - chức cũng không được biết. Nghe đâu ông ta mưu-mô thế nào, lừa một người con gái, nhận làm em, dâng lên vua Mạc để cầu-cạnh công danh, nên được bổ ngay làm Đề đốc. Nhưng không may, người con gái ấy trốn đi mất, vua Mạc tra ra ủy-khúc, nên ông ta mới mang tội.

Trần-Long nói :

— Thế ra là tội xiềm-nịnh khi-quân !

Trần-Ngũ đáp :

— Thưa tướng-quân, có lẽ vậy !

Liên-Tường nói :

— Rõ thật mình làm mình chịu, kêu mà ai thương. Xưa nay, những người bạc-ác lập mưu gian trá để lừa người khác đều bị báo lại ngay trước mắt. Giời Phật chí công, làm lành thì ban phúc, mà làm dữ tất gieo họa ! Nếu không có Giời Phật thì kẻ hung-ác như vậy cứ việc hoành - hành, những người lương thiện không còn có đường mà sinh sống nữa !

Rồi nàng ngồi ngẫm-nghĩ. Nhân những việc báo-ứng mà nàng đã được mục - kích, nàng càng đốc lòng tin ở đức Phật từ-bi. Nàng mong - mỏi đem đạo sáng - sủa của Ngài để giải-cứu cho chúng-sinh tội-lỗi và đau-khổ. Bản-tính nàng sinh ra đã vốn hiền-hậu và giàu lòng tin - ngưỡng, lại gặp những cảnh hãi-hùng như vậy, nàng dần-dần càng say sưa mùi đạo, và từ đấy hằng ngày cứ thường cùng Phan phu - nhân thành kính đến chùa cầu-nguyện đức Phật-tổ chí công ban ơn phúc cho khắp dân gian.

Phần thứ hai

I

Thấm thoát đã được chín năm. Chín năm giời qua, Trần-Long đã nhiều lần nhẹ nhàng cất gót trên bậc thang hoạn - trường vòi vọi. Được cái nhậm nơi nào, chàng cũng rước Liên-Tường và Phan phu nhân cùng Tiểu-Lan đi theo, để mẹ con sum họp cho vui, và cốt

nhất để thăm dò tin tức Phan công cho tiện. Nhưng công tìm kiếm thăm dò đã lắm, mà kết cục chẳng được gì ! mịt mù giời nước mênh mang, bóng chim tăm cá khôn tìm cho ra. Trên nhân gian đã không thấy vết người, dưới chín suối họa là nơi gặp mặt.

Từ đấy vợ chồng Liên-Tường và Phan phu-nhân, tin là Phan thượng thư đã khuất, nên không tìm tòi nữa. Cả nhà đồng tâm lập một đàn chay, rước các cao-tăng về làm lễ siêu độ cho linh-hồn Phan-công. Rồi hằng năm cứ nhớ ngày Phan công bị bắt và ngày được tha, Trần Long, Liên Tường và Phan phu-nhân làm giỗ cúng để tưởng niệm đến Phan công cho tỏ tấm lòng hiếu thảo đối với người cha già yếu, người chồng khốn-khổ, trong lúc tuổi già, con cái chẳng được nuôi hầu. Cả nhà đành ngậm-ngùi mang mối hận trong lòng mãi-mãi, và cố tạm khuây trong công-việc hằng ngày hay trong câu kinh niệm Phật.

Cuối năm ấy, Trần Long lại được chiếu-chỉ của vua Mạc đặc-cử trở về làm Đề-đốc Kinh-bắc, cai-quản tất cả các việc quân - binh, sưu thuế, đê-điều. Thật là thênh-thênh đường cái thanh-vân, quyền cao, chức trọng, những kẻ cầu cạnh công-danh thế-lực đua nhau ra vào hầu-hạ. Trần Đề-đốc đến nhậm chức được ít ngày, thì Trần-Ngũ cũng được thăng làm Tham-quan, bổ về Kinh-bắc để giúp việc dưới trướng quan Đề-đốc.

Trần-Ngũ vốn là một kẻ hung-hãn, hay cậy thế làm xằng, Trần Đề-đốc trước kia cũng đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng mười phần tính nết hắn mới chữa đổi đi được hai ba. Nay lại gặp Trần-Ngũ về giúp việc mình, hôm đầu tiếp-kiến, Trần Đề-đốc vui-vẻ trò chuyện, sau cùng khuyên một câu đầy ý-nghĩa :

— Bản - quan rất mừng Tướng-quân đã được cao-thăng như ngày nay. Nhưng bản-quan hơi ngại cho tướng-quân. Tướng-quân có tướng « bất đắc kỳ-tử ». Nay quyền cao, tất có lắm kẻ ghen-ghét. Vậy bản-quan khuyên tướng-quân trước hết phải giữ mình.

Trần-Ngũ lễ-phép thưa :

— Tiểu-tướng xin bái tạ đại-quan có lòng ân-cần khuyên bảo như vậy, tiểu-tướng xin ghi lòng tạc dạ. Đã từ lâu, nhờ có đại-quan đề-bạt và chỉ bảo cho, tiểu-tướng mới được có ngày nay. Tiểu tướng không dám phụ tấm lòng đại-quan đã thương yêu và tin cậy.

Trần Đề-đốc còn lưu Trần-Ngũ lại ăn cơm, khuyên răn ít điều về công việc nữa.

Trần-Ngũ làm việc ít lâu tỏ ra rất mẫn-cán và đứng-đắn. Trần-Long đã mừng thầm vì Tham-quan giúp việc của mình dần dần đã sửa đổi được tính nết mà trở nên hay lương-đống của nước nhà chăng. Nên dần dần, Trần Đề-đốc cũng tin mà giao cho những công việc quan-trọng.

Một hôm, Trần Đề-đốc đến gọi Trần-Ngũ vào, sai đi tra xét các đồn-trại trong tất cả trấn Kinh-bắc. Trước khi đi, Trần-Long ân-cần dặn bảo :

— Tướng-quân đi phen này thật à vinh-dự lắm. Bản-quan tin ở tướng - quân nên mới dám cử tướng-quân đi. Vậy tướng-quân nên thừa hành chức-vụ cho công-bằng, nghiêm-minh. Đừng có sách-nhiễu người dưới và khinh-miệt bạn đồng-liêu. Nhất là phải đi cho mau chóng. Chớ có giềnh-giang. Hạn trong ba ngày phải về phục-mệnh. Không được trái lệnh, phụ mất lòng bản-quan tin cậy.

Trần-Ngũ cúi đầu bái tạ thưa :

— Bẩm đại-quan ! Đại-quan đã giao - phó trọng - trách cho tiểu-tướng, dù tài hèn sức mọn, tiểu-tướng cũng xin đảm-đương cho hết sức chu-đáo để mong đáp lại tấm lòng đại quan kỳ vọng ở tiểu-tướng. Tiểu-tướng xin đúng kỳ hồi mạnh !

Trần-Ngũ ra đi, dương-đương một mình một ngựa, ra roi phóng bước trong giang-sơn thống-thuộc của mình : Vị Tham-quan hống-hách còn lạ gì địa-hạt Kinh-bắc nữa : từ địa thế đến dân - tình, binh-sĩ, đồn trại, chàng đã thấu-đáo am-tường từ khi chàng còn là một tên lính thường. Nay ở địa-vị Tham-quan, nhất đán được đi thanh-tra khắp cả các nơi mình đã qua, đã ở, đã biết, Trần sung sướng bội phần, và tự tin ở mình, một mình một ngựa, hăm-hở ra đi mong chóng làm xong nhiệm-vụ. Trần-Ngũ không cần một ai theo hầu nữa.

Nhưng Trần Tham-quan đi đã ba hôm. Rồi bốn hôm, năm hôm cũng không thấy bóng người về. Quan Đề-đốc không hiểu sự-tình ra sao, trong lòng lo lắng, liền sai thảo tờ thông sức, rồi phái lính phóng ngựa hỏa tốc đi hỏi tất cả các quan Trấn-thủ các đồn trại, và các quan Phân-phủ các hạt, xem Trần Ngũ đến địa phận họ vào hồi nào và đi lúc nào cùng là có sách nhiễu gì không. Một mặt, quan Đề đốc lại làm tờ trình với quan Tổng trấn về việc biệt tích của viên Tham-quan ấy.

Buổi chiều hôm ấy, các sai-binh đã trở về dinh Đề-đốc với tờ phúc bẩm của các quan Trấn thủ và Phân phủ. Trần Long liền vội vàng mở những phong ra, lướt mắt qua tờ bẩm, chỉ cần xem ngày giờ mà viên Tham-quan kia đến và đi thôi, rồi lại đặt xuống án và đợi xem tờ khác. Một chồng tờ bẩm xếp gọn đã cao rồi, chàng đập mạnh bàn tay cho đẹp thấp xuống, rồi lẩm-bẩm một mình :

— Thế này ra hắn đi hết cả rồi, đi vòng từ bắc, sang đông, xuống nam, rồi về miền tây. Kể cũng khôn đấy. Làm sao lại biệt-tích ?

còn nữa

CHU-THIÊN

Kỳ sau :

Tiết-tháo các ông thầy và tình thầy trò hồi trước

của TIÊN-ĐÀM

Lần đầu tiên, lớn nhất ở Nam-kỳ

Nhà xuất bản Đồng - Nai

SẮP CÓ BÁN :

CỨU LẤY THANH NIÊN

Ấn loát mỹ thuật toàn bằng giấy lụa mà bán rất rẻ để thanh niên các giới đều được đọc — Mỗi quyển 0p 75
Tác phẩm đầu tiên để ra mắt, của Khổng - Dương

Một chương trình cải tạo và gây dựng thanh niên Việt Nam cần phải thực hành ngay từ bây giờ

« Qua những cơn bão táp của tâm hồn do sự xung đột trong lúc giao-tiếp của hai nền văn-hóa Đông-Tây lại đến cơn bão táp của thời cuộc day chúng ta biết suy nghĩ gắn sức...

Tôi chẳng dám cả tiếng khuyên bạn. Tôi chỉ ước ao chúng ta nên thế ấy và thế ấy. Và sự ước ao của tôi quá mạnh hơn một chút, đó là chỉ muốn bùng lên ở bạn một ngọn lửa hồng, sôi nổi lên ở bạn một chất nhựa mạnh đang tiềm tàng, một nguồn máu nóng đang chuyển lưu».

Khổng-Dương
(trong cứu lấy thanh niên)

Những sách Đ.N. không gửi en consignation. Chẳng đại lý nào được độc quyền trong một địa hạt nào cả, trừ ra nếu có thư thương lượng những điều kiện riêng.

Thư từ và tiền bạc để cho : TRƯƠNG-VĂN-HAI
248 — Lagrandière — Saigon Cochinchine
Téléphone 20.458 Boîte postale 220

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn
Nhà TÂN-ĐÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1
Mỗi quyển bản thường : 0$70
Bản đặc biệt giấy lụa đó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p 30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Mới có bán

THẰNG PHƯƠNG

tiểu thuyết giáo dục của
NGUYỄN ĐỨC-QUỲNH

... Riêng tặng các bậc Phụ - huynh, các thầy giáo, và các cậu bé học - sinh nghịch-ngợm

Sách dày hơn 200 trang — Bìa rất đẹp — Giá 1 p. 50 Mua một quyển gửi tiền về trước ; 1 p. 50 + 0 p. 50 cước = 2 p. 00 không bán lãnh hóa giao ngân

HÀN-THUYÊN xuất-bản cục
71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Muốn làm giàu bỏ 1 đồng mua vé số

Đông - Pháp

1p00 một vé

Những sách của Lê - Thăng xuất bản
Imprimerie du Nord
133 Rue du Coton

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang - Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25
2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50
3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50
4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng
Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi